

Số: 45 /TB-HĐTD

Hoàng Mai, ngày 31 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả tuyển dụng, hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc quận Hoàng Mai năm 2024

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4536/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND quận Hoàng Mai về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc quận Hoàng Mai năm 2024; Quyết định số 5515/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của Chủ tịch UBND quận Hoàng Mai về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc quận Hoàng Mai năm 2024;

Hội đồng tuyển dụng viên chức quận Hoàng Mai thông báo kết quả tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc quận Hoàng Mai năm 2024 như sau:

1. Kết quả tuyển dụng

Chi tiết theo Quyết định số 5515/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của Chủ tịch UBND quận Hoàng Mai về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc quận Hoàng Mai năm 2024 (có kèm theo thông báo này).

2. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

2.1. Thời gian, địa điểm hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng:

Từ ngày 04/11/2024 đến 17h00 ngày 03/12/2024 (trong giờ hành chính) tại phòng Nội vụ quận Hoàng Mai.

2.2. Các thí sinh trúng tuyển nộp 01 bộ hồ sơ tuyển dụng gồm:

- Phiếu lý lịch tư pháp (số 1) do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Bản sao chứng thực các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển.

Cá nhân có bằng thạc sĩ phải nộp cả bằng đại học; học theo hình thức liên thông thì phải nộp cả bằng tốt nghiệp trình độ hiện tại và trình độ trước đây.

- Bản sao chứng thực giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có), Yêu cầu mang theo bản chính để đối chiếu.

2.3. Đối với các thí sinh trúng tuyển đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và được bố trí làm việc theo đúng chuyên ngành được đào tạo và theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm mà thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục thì được cộng dồn) bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của chức danh nghề nghiệp được tuyển dụng. *Ngoài thành phần hồ sơ nêu tại mục (2.2), đề nghị bổ sung thêm các thành phần hồ sơ sau để làm căn cứ xét miễn tập sự (nếu có):*

- Bản sao chứng thực sổ bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan BHXH trong thời gian được bố trí làm việc theo đúng chuyên ngành được đào tạo và theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm tính đến hết tháng 11/2024.

- Bản sao chứng thực Văn bản (hợp đồng) bố trí làm việc theo đúng chuyên ngành được đào tạo và theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

(Lưu ý: Hồ sơ được đựng trong túi bì cứng cỡ 24cmx32cm; ngoài bì ghi Hồ sơ trúng tuyển viên chức Trường.....(ghi đơn vị đăng ký dự tuyển) năm 2024 và ghi đầy đủ danh mục theo thứ tự trên và số điện thoại liên hệ).

- Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

- Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

3. Nội dung khác

Phòng Nội vụ Quận thực hiện việc đối chiếu, kiểm tra hồ sơ trúng tuyển của thí sinh. Tổng hợp báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển

dụng ra quyết định tuyển dụng, đồng thời thông báo tới thí sinh trúng tuyển và đơn vị sử dụng viên chức thời gian, địa điểm nhận quyết định tuyển dụng và thực hiện việc ký hợp đồng làm việc với viên chức theo quy định.

Hội đồng tuyển dụng viên chức quận Hoàng Mai thông báo để thí sinh và các đơn vị liên quan biết, thực hiện. Thông tin liên hệ theo số điện thoại: 024.3642.1800./. *Đkt*

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch UBND Quận;
- HĐTD viên chức;
- Các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- Công thông tin điện tử của quận Hoàng Mai (để thông báo cho thí sinh biết, thực hiện);
- Lưu: VT, HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Nguyễn Minh Tâm**

Số: 5515/QĐ-UBND

Hoàng Mai, ngày 31 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên
chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc
quận Hoàng Mai năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4536/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND quận Hoàng Mai về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc quận Hoàng Mai năm 2024;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng tại Tờ trình số 151/TTr-HĐTD ngày 31/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc quận Hoàng Mai năm 2024 đối với 1076 thí sinh được triệu tập dự thi vòng 2 như sau:

- Số thí sinh trúng tuyển là 370 người;
- Số thí sinh không trúng tuyển là 706 người;

(Có danh sách chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng thực hiện việc thông báo công khai kết quả tuyển dụng và hướng dẫn thí sinh trúng tuyển đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND Quận, Trưởng phòng Nội vụ, Hội đồng tuyển dụng viên chức quận Hoàng Mai; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Quận và các thí sinh có tên theo danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND Quận;
- Cổng thông tin điện tử của quận Hoàng Mai;
- Lưu: VT, NV, HĐTD.



Nguyễn Minh Tâm

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC QUẬN HOÀNG MAI - NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 5515/QĐ-UBND ngày 31.../10.../2024 của Chủ tịch UBND quận Hoàng Mai)

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
I	CẤP MẦM NON														
1	VC1878	Nguyễn Mai	Hương	29/7/2001	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	MN 10 - 10		83,5		83,5	Trúng tuyển
2	VC1883	Lê Thị Minh	Nguyệt	16/01/1993	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	MN Đại Kim		80,0		80,0	Trúng tuyển
3	VC1887	Khúc Thị Huyền	Trang	28/10/1986	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	MN Hoa Hồng		81,0		81,0	Trúng tuyển
4	VC1889	Đặng Thị Hải	Yến	15/8/1987	Nữ	ĐH	Kế toán - kiểm toán	NV	Kế toán	MN Hoa Mai		63,8		63,8	Trúng tuyển
5	VC2030	Phạm Thị Dương	Thùy	02/8/2003	Nữ	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoa Sữa		86,5		86,5	Trúng tuyển
6	VC2018	Nguyễn Mạnh	Thoa	16/7/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoa Sữa		80,0		80,0	Trúng tuyển
7	VC1959	Nguyễn Thị	Huế	04/5/1991	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoa sữa		78,0		78,0	Trúng tuyển
8	VC2039	Lục Thị	Trang	02/10/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoa Sữa		76,0		76,0	
9	VC1968	Phạm Thị Thanh	Hương	28/6/1980	Nữ	CD	Nhà trẻ mẫu giáo	GV	Mầm non	MN Hoa Sữa		64,0		64,0	
10	VC1950	Phạm Thị	Hậu	16/3/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoa Sữa		42,5		42,5	
11	VC1881	Phạm Phương	Linh	28/11/1990	Nữ	ĐH	Kế toán doanh nghiệp	NV	Kế toán	MN Hoàng Liệt		80,5		80,5	Trúng tuyển
12	VC1932	Hoàng Thị Thùy	Dung	20/8/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		87,5		87,5	Trúng tuyển
13	VC1917	Nguyễn Trịnh Phương	Anh	15/7/1999	Nữ	CD	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		87,0		87,0	Trúng tuyển
14	VC2037	Dương Minh	Trang	5/9/1983	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		86,8		86,8	Trúng tuyển
15	VC2021	Nguyễn Kim	Thu	01/4/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		86,5		86,5	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
16	VC1914	Đặng Thị Vân Anh	10/11/1981	Nữ	CĐ	Nhà trẻ mẫu giáo	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	CBB	76,5	5,0	81,5	Trúng tuyển
17	VC2034	Quách Thị Thương	07/4/1994	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	DTTS	75,5	5,0	80,5	Trúng tuyển
18	VC1982	Nguyễn Thị Loan	04/4/1987	Nữ	ĐH	Giáo dục Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		78,5		78,5	Trúng tuyển
19	VC1915	Lã Thị Mai Anh	22/11/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		77,5		77,5	Trúng tuyển
20	VC2032	Trần Thị Thúy	15/01/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		76,5		76,5	Trúng tuyển
21	VC2026	Bùi Thị Thùy	09/09/1993	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		75,0		75,0	Trúng tuyển
22	VC1941	Nguyễn Thị Thu Hải	29/9/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		73,5		73,5	Trúng tuyển
23	VC1983	Nguyễn Thị Lung	5/8/1996	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		73,5		73,5	Trúng tuyển
24	VC2017	Nguyễn Thị Thảo	20/5/1997	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		73,5		73,5	Trúng tuyển
25	VC1960	Trịnh Thị Huệ	24/12/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		72,0		72,0	Trúng tuyển
26	VC1980	Trần Tú Linh	27/01/1995	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		71,5		71,5	Trúng tuyển
27	VC1918	Phạm Vân Anh	8/12/1999	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		70,5		70,5	Trúng tuyển
28	VC1922	Lê Ngọc Ánh	01/5/2002	Nữ	CĐ	Giáo dục Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		70,5		70,5	Trúng tuyển
29	VC1919	Phùng Thị Quỳnh Anh	17/10/1999	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		70,0		70,0	Trúng tuyển
30	VC1940	Phùng Thị Hà	15/8/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		70,0		70,0	Trúng tuyển
31	VC2022	Nguyễn Thị Thu	21/12/1992	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		70,0		70,0	Trúng tuyển
32	VC2024	Nguyễn Thị Thu	26/5/1979	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non; SP Tiếng Anh	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		70,0		70,0	Trúng tuyển
33	VC1920	Vũ Thị Lan Anh	04/10/1984	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		69,5		69,5	Trúng tuyển
34	VC1939	Phạm Thị Thu Hà	31/12/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		69,5		69,5	Trúng tuyển

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
35	VC1956	Đặng Thị Hoài	02/9/2000	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		69,0		69,0	Trúng tuyển
36	VC1995	Lê Thị Thúy Nga	28/9/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		68,5		68,5	Trúng tuyển
37	VC1985	Nguyễn Thị Lương	25/01/1989	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		68,0		68,0	Trúng tuyển
38	VC1977	Nguyễn Thùy Linh	26/7/2000	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		66,0		66,0	Trúng tuyển
39	VC1988	Lê Ngọc Mai	16/6/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		64,5		64,5	
40	VC1967	Nguyễn Thị Hương	20/6/1989	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		63,5		63,5	
41	VC1969	Nguyễn Thị Hường	22/02/1996	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		63,5		63,5	
42	VC1955	Nguyễn Thị Thanh Hoa	14/01/2003	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		63,0		63,0	
43	VC2038	Đặng Thu Trang	14/7/1986	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		61,5		61,5	
44	VC1993	Ngô Thị Nụ	08/6/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		60,0		60,0	
45	VC1928	Trần Thị Việt	02/10/1993	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		59,5		59,5	
46	VC1990	Lê Thị Mậu	10/5/1995	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		59,0		59,0	
47	VC1979	Phạm Thảo Linh	19/6/2001	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		55,0		55,0	
48	VC1924	Nguyễn Thị Minh Ánh	12/10/2001	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		54,0		54,0	
49	VC1971	Nguyễn Thuý Lan	24/2/2002	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		54,0		54,0	
50	VC1938	Phạm Thị Minh Hà	10/8/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		52,0		52,0	
51	VC2042	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/8/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		52,0		52,0	
52	VC2005	Trần Thu Phương	09/11/1999	Nữ	CĐ	Sư phạm Mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		51,5		51,5	
53	VC1964	Nguyễn Ngọc Huyền	11/10/1997	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		51,0		51,0	

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
54	VC2015	Lê Thị Ánh Tuyết	28/9/1997	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		47,0		47,0	
55	VC1933	Lê Thị Thuỳ Dung	03/02/1985	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt	CTB	42,0	5,0	47,0	
56	VC2050	Phùng Thị Hải Yến	07/11/1999	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		42,3		42,3	
57	VC1937	Nguyễn Thanh Hà	10/6/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		39,5		39,5	
58	VC1925	Lê Thị Bính	21/4/1986	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Hoàng Liệt		31,0		31,0	
59	VC1996	Nghiêm Thị Linh Nga	06/03/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		88,0		88,0	Trúng tuyển
60	VC1966	Nguyễn Thị Kim Huyền	23/10/1993	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		86,5		86,5	Trúng tuyển
61	VC2014	Trương Tuyền Tuyền	19/10/1998	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		79,5		79,5	Trúng tuyển
62	VC1984	Lê Thị Luyến	02/7/1985	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động	CTB	70,0	5,0	75,0	Trúng tuyển
63	VC2020	Hoàng Thị Thu	13/8/1987	Nữ	ĐH	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động	DTTS	69,5	5,0	74,5	Trúng tuyển
64	VC2008	Nguyễn Thị Lệ Quyên	10/11/1991	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		73,0		73,0	
65	VC1921	Bùi Thị Lệ Ánh	28/11/1989	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		69,5		69,5	
66	VC1965	Nguyễn Thị Huyền	12/03/1997	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		68,0		68,0	
67	VC2006	Ngô Thị Phương	7/10/1986	Nữ	CĐ	Giáo dục mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		63,0		63,0	
68	VC2000	Lê Thanh Nhài	20/12/1997	Nữ	CĐ	Giáo dục Mầm non	GV	Mầm non	MN Mai Động		46,5		46,5	
69	VC2063	Cao Trần Thiên Trang	10/02/1995	Nữ	CĐ	Điều dưỡng + CCVTLT	NV	Văn thư	MN Mai Động		71,0		71,0	Trúng tuyển
70	VC1869	Nguyễn Thị Lan Anh	27/9/1991	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	MN Tân Mai		80,0		80,0	Trúng tuyển
71	VC1868	Nguyễn Thị Hồng Anh	26/4/1985	Nữ	ĐH	Kế toán; Ngôn ngữ Anh	NV	Kế toán	MN Tuổi Thơ		44,5		44,5	
72	VC1876	Nguyễn Thị Thu Hà	18/01/1997	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	MN Vĩnh Hưng		79,3		79,3	Trúng tuyển

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
II	CẤP TIỂU HỌC													
73	VC1204	Phạm Thị Hương	09/5/1984	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An	CTB	86,0	5,0	91,0	Trúng tuyển
74	VC1538	Nguyễn Phương Thảo	7/02/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		86,5		86,5	Trúng tuyển
75	VC1198	Nguyễn Thị Thanh Hương	03/02/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		86,3		86,3	Trúng tuyển
76	VC1252	Nguyễn Thị Phương Liên	07/4/1994	Nữ	ĐH	GDTH; Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		86,3		86,3	Trúng tuyển
77	VC1284	Nguyễn Diệu Linh	10/6/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		86,0		86,0	Trúng tuyển
78	VC1436	Phạm Kiều Oanh	04/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		86,0		86,0	Trúng tuyển
79	VC1569	Vũ Thị Huyền Thu	16/10/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		86,0		86,0	Trúng tuyển
80	VC1530	Đỗ Phương Thảo	19/5/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		82,5		82,5	Trúng tuyển
81	VC1006	Đào Vi Dương	06/03/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		78,8		78,8	
82	VC1238	Nguyễn Thị Ngọc Lan	12/5/2000	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		78,5		78,5	
83	VC1463	Vũ Thị Minh Phương	10/9/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		76,5		76,5	
84	VC1401	Phạm Thị Ngọc	9/7/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		76,0		76,0	
85	VC1297	Phạm Thị Hà Linh	15/9/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		73,5		73,5	
86	VC1277	Lê Thị Thùy Linh	09/10/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		71,0		71,0	
87	VC0966	Nguyễn Hiền Cúc	16/9/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		67,0		67,0	
88	VC0957	Bùi Việt Bắc	31/12/1991	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		56,3		56,3	

10

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
89	VC1525	Nguyễn Đạt Thành	15/11/1999	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		53,5		53,5	
90	VC0988	Nguyễn Hồng Diệp	24/7/2000	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		52,5		52,5	
91	VC1127	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	15/5/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		48,5		48,5	
92	VC1779	Phạm Thị Thu Hằng	11/12/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		78,8		78,8	Trúng tuyển
93	VC1834	Lê Thị Thanh	10/10/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		73,5		73,5	Trúng tuyển
94	VC1764	Bạch Hải Âu	21/11/1983	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		64,0		64,0	Trúng tuyển
95	VC1847	Lê Huyền Trang	02/9/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		62,5		62,5	
96	VC1790	Trần Thị Hoa	27/9/1990	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		60,5		60,5	
97	VC1837	Lê Phương Thảo	12/7/1990	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		50,5		50,5	
98	VC1849	Trần Thị Thu Uyên	10/8/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		50,5		50,5	
99	VC1828	Hoàng Thị Phương	10/02/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		44,0		44,0	
100	VC1769	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	08/3/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Chu Văn An		40,5		40,5	
101	VC1407	An Thị Thảo Nguyên	09/8/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		Bỏ thi		Bỏ thi	
102	VC1588	Nguyễn Phương Thúy	21/4/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		Bỏ thi		Bỏ thi	
103	VC1224	Trịnh Thị Thu Hường	10/12/1991	Nữ	ĐH	GDTH; Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		88,0		88,0	Trúng tuyển
104	VC1624	Lưu Thị Hà Trang	21/01/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		88,0		88,0	Trúng tuyển
105	VC1009	Hoàng Thùy Dương	26/11/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		87,8		87,8	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
106	VC1106	Nguyễn Thu Hiền	18/10/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		87,3		87,3	Trúng tuyển
107	VC1300	Tưởng Khánh Linh	13/10/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		87,3		87,3	Trúng tuyển
108	VC1246	Cung Hồng Lâm	07/01/1997	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		87,0		87,0	Trúng tuyển
109	VC1454	Phùng Thảo Phương	19/11/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		87,0		87,0	Trúng tuyển
110	VC1672	Nguyễn Thu Uyên	01/9/2001	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		87,0		87,0	Trúng tuyển
111	VC1687	Lương Hà Vi	18/6/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		87,0		87,0	Trúng tuyển
112	VC1018	Bùi Nguyễn Điền	09/01/1988	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,5		86,5	Trúng tuyển
113	VC1331	Nguyễn Huyền Mai	26/11/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,5		86,5	Trúng tuyển
114	VC1491	Nguyễn Thị Quỳnh	18/6/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,5		86,5	Trúng tuyển
115	VC0945	Lê Nguyệt Ánh	06/8/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,3		86,3	Trúng tuyển
116	VC1686	Hoàng Thùy Vi	16/8/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,3		86,3	Trúng tuyển
117	VC1110	Nguyễn Thúy Hiền	23/3/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,1		86,1	Trúng tuyển
118	VC1075	Nguyễn Minh Hằng	16/12/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
119	VC1228	Nguyễn Thị Kim Khánh	18/10/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
120	VC1232	Hoàng Ngọc Lan	15/10/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
121	VC1369	Hoàng Diệu Nga	03/02/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
122	VC1466	Nguyễn Minh Phương	29/8/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
123	VC1621	Lê Hồng Trang	31/10/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
124	VC1631	Nguyễn Quỳnh Trang	21/9/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
125	VC1645	Nguyễn Thùy Trang	13/12/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
126	VC1532	Hoàng Phương Thảo	13/12/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		80,5		80,5	Trúng tuyển
127	VC1019	Đào Văn Điệp	20/10/1994	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		80,3		80,3	Trúng tuyển
128	VC1531	Hoàng Phương Thảo	03/3/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		80,3		80,3	Trúng tuyển
129	VC1010	Nguyễn Lê Thùy Dương	05/5/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		80,0		80,0	
130	VC1033	Trần Huyền Giang	24/10/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		80,0		80,0	
131	VC1651	Phạm Thị Thu Trang	14/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		80,0		80,0	
132	VC0881	Trần Thúy An	04/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		79,5		79,5	
133	VC1293	Nguyễn Thùy Linh	17/01/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		79,5		79,5	
134	VC1244	Lê Thanh Lân	27/8/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		79,3		79,3	
135	VC1486	Lê Thị Ngọc Quỳnh	28/8/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		78,5		78,5	
136	VC1589	Nguyễn Thanh Thúy	02/01/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		78,3		78,3	
137	VC0888	Đỗ Lan Anh	27/4/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		77,8		77,8	
138	VC1001	Nguyễn Quốc Dũng	05/6/2001	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		77,3		77,3	
139	VC1081	Nguyễn Thị Thu Hằng	09/12/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		76,5		76,5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
140	VC1399	Nguyễn Thị Minh Ngọc	03/9/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		76,5		76,5	
141	VC1562	Ngô Thị Thu	03/11/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		76,3		76,3	
142	VC1087	Phạm Thúy Hằng	18/5/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		75,8		75,8	
143	VC1551	Trần Phương Thảo	05/3/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		75,3		75,3	
144	VC1695	Nguyễn Thị Hải Yến	02/3/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		75,3		75,3	
145	VC1630	Nguyễn Mai Trang	30/3/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		74,5		74,5	
146	VC1633	Nguyễn Thị Trang	01/3/1992	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		73,0		73,0	
147	VC0994	Kiều Thị Thùy Dung	22/01/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		72,8		72,8	
148	VC1406	Vũ Thị Khánh Ngọc	27/3/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		72,5		72,5	
149	VC1481	Đào Thị Diễm Quỳnh	17/11/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		72,5		72,5	
150	VC1118	Phạm Ngọc Hiệp	13/11/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		72,0		72,0	
151	VC1479	Bùi Thị Thu Quỳnh	10/7/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		71,5		71,5	
152	VC1211	Trần Thị Thu Hương	11/11/1988	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim	CBB	66,5	5,0	71,5	
153	VC1146	Trần Thị Huê	23/4/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		69,5		69,5	
154	VC1485	Lê Thị Quỳnh	02/02/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		69,0		69,0	
155	VC1579	Nguyễn Phương Thủy	27/8/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		69,0		69,0	
156	VC1521	Nguyễn Thị Thanh	01/6/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		68,8		68,8	

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
157	VC1180	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14/02/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		68,5		68,5	
158	VC1394	Nguyễn Dương Ngọc	03/5/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		68,5		68,5	
159	VC0982	Trần Thị Quỳnh Chi	20/12/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		68,3		68,3	
160	VC1105	Nguyễn Thị Thúy Hiền	12/02/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		67,8		67,8	
161	VC1597	Nguyễn Đỗ Hoài Thương	07/12/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		67,8		67,8	
162	VC1693	Lê Thị Hải Yến	30/4/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		67,0		67,0	
163	VC0879	Hoàng Thúy An	17/4/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		66,3		66,3	
164	VC1567	Phạm Thị Thu	31/12/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		66,3		66,3	
165	VC1689	Nguyễn Hà Vy	25/8/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		65,8		65,8	
166	VC0953	Phạm Thị Ngọc Ánh	14/6/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		65,5		65,5	
167	VC1085	Nguyễn Thu Hằng	31/3/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		65,0		65,0	
168	VC1115	Trần Thu Hiền	06/01/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		64,5		64,5	
169	VC1663	Nghiêm Thị Việt Trinh	25/9/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		64,5		64,5	
170	VC1592	Đặng Thị Anh Thư	07/3/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		63,8		63,8	
171	VC1298	Phan Thị Linh	09/01/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		63,0		63,0	
172	VC1154	Nguyễn Thị Bích Huệ	18/11/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		62,5		62,5	
173	VC0978	Đỗ Thị Kim Chi	18/3/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		61,5		61,5	

10

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
174	VC1550	Phạm Thu Thảo	18/6/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		61,5		61,5	
175	VC1660	Nguyễn Ngọc Trâm	13/12/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		61,5		61,5	
176	VC1451	Phạm Thị Phương	14/3/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		60,5		60,5	
177	VC1459	Trịnh Huyền Phương	28/8/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		60,5		60,5	
178	VC1374	Nguyễn Thị Thúy Nga	28/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		60,3		60,3	
179	VC1614	Đặng Huyền Trang	27/6/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		59,5		59,5	
180	VC0932	Phùng Lan Anh	22/7/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		59,0		59,0	
181	VC1324	Trần Hải Ly	29/5/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		58,0		58,0	
182	VC1502	Trần Minh Tâm	18/7/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		57,5		57,5	
183	VC0894	Hoàng Ngọc Anh	17/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		57,3		57,3	
184	VC0880	Trần Hiền An	05/3/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		56,8		56,8	
185	VC1515	Đỗ Thị Tuyền	04/9/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		56,5		56,5	
186	VC1404	Trương Minh Ngọc	06/01/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		56,3		56,3	
187	VC1036	Bùi Thị Thanh Hà	30/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		55,5		55,5	
188	VC1184	Phạm Minh Huyền	13/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		55,0		55,0	
189	VC1691	Trần Thị Yến	27/11/1989	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		54,0		54,0	
190	VC1570	Lê Thị Thùy	19/7/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		53,5		53,5	

12

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
191	VC1039	Đoàn Thu Hà	30/8/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		53,3		53,3	
192	VC1638	Nguyễn Thu Trang	27/3/1995	Nữ	ĐH	GDTH; Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		52,8		52,8	
193	VC1506	Nguyễn Phương Toàn	05/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		52,5		52,5	
194	VC1601	Nguyễn Thị Trà	23/3/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		51,5		51,5	
195	VC1196	Nguyễn Lan Hương	08/10/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		51,3		51,3	
196	VC1664	Phan Thị Việt Trinh	15/02/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		50,5		50,5	
197	VC1155	Nguyễn Thị Hồng Huệ	15/3/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		49,5		49,5	
198	VC1329	Nguyễn Thị Lý	20/8/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		41,0		41,0	
199	VC1679	Phạm Thanh Vân	28/10/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		34,0		34,0	
200	VC1062	Ngô Thị Mỹ Hạnh	18/12/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		33,5		33,5	
201	VC1765	Phạm Thị Bình	25/3/1999	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		86,8		86,8	Trúng tuyển
202	VC1813	Phạm Thị Mai	16/5/1990	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		86,5		86,5	Trúng tuyển
203	VC1821	Mai Thị Phương Nhung	26/9/1989	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		86,5		86,5	Trúng tuyển
204	VC1819	Đỗ Thị Nguyễn	17/7/1994	Nữ	Ths, ĐH	LL&PP giảng dạy bộ môn Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		75,0		75,0	
205	VC1771	Lê Thị Ngọc Dung	09/10/1988	Nữ	ĐH	Tiếng anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		74,5		74,5	
206	VC1822	Phạm Thị Hồng Nhung	10/11/1990	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		69,0		69,0	
207	VC1797	Trần Thị Huyền	01/01/1998	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		61,5		61,5	
208	VC1766	Nguyễn Thị Công	27/01/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		59,5		59,5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
209	VC1775	Trần Thúy Hà	03/9/1989	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		56,5		56,5	
210	VC1781	Bùi Thị Hậu	17/7/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		54,5		54,5	
211	VC1820	Đinh Thùy Nhung	02/9/1986	Nữ	Ths, ĐH	Phương pháp giảng dạy; Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		54,5		54,5	
212	VC1804	Đỗ Thị Bích Liên	16/4/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		52,0		52,0	
213	VC1843	Nguyễn Thị Thanh Thủy	25/01/1986	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh; Sư phạm Tiếng Nga	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		51,0		51,0	
214	VC1845	Nguyễn Ngọc Thúy	16/6/1989	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		50,5		50,5	
215	VC1831	Quách Thị Quyên	12/12/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Kim		49,0		49,0	
216	VC1855	Dương Mạnh Đạt	19/11/1996	Nam	ĐH	Công nghệ thông tin + CCSP	GV	Tin	TH Đại Kim		72,0		72,0	Trúng tuyển
217	VC1864	Nguyễn Thị Tiềm	22/11/1986	Nữ	ĐH	Khoa học máy tính + CCSP	GV	Tin	TH Đại Kim		60,5		60,5	
218	VC1852	Lê Đức Anh	11/9/1994	Nam	CD, ĐH	Sư phạm Tin, CNTT	GV	Tin	TH Đại Kim		50,3		50,3	
219	VC1811	Bùi Thị Ngọc Mai	04/01/1997	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Tiếng Anh; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Từ		87,5		87,5	Trúng tuyển
220	VC1827	Nguyễn Thị Huyền Phương	26/11/1985	Nữ	ĐH, CD	Sư phạm Tiếng Anh: Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Đại Từ		68,0		68,0	Trúng tuyển
221	VC1409	Nguyễn Thị Nguyệt	22/10/1991	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đền Lừ	CTB	74,0	5,0	79,0	Trúng tuyển
222	VC1688	Nguyễn Minh Vi	08/6/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Đền Lừ		75,3		75,3	
223	VC1213	Vũ Thị Hương	09/5/1989	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đền Lừ		74,5		74,5	
224	VC1859	Nguyễn Thị Mai Lan	29/01/1984	Nữ	CD, ĐH	Sư phạm Tin - Lý, CNTT	GV	Tin	TH Đền Lừ		72,5		72,5	Trúng tuyển
225	VC1632	Nguyễn Quỳnh Trang	10/4/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công	DTTS	86,0	5,0	91,0	Trúng tuyển
226	VC0878	Hà Kiều An	02/11/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		86,8		86,8	Trúng tuyển
227	VC1073	Nguyễn Minh Hằng	01/6/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		86,5		86,5	Trúng tuyển
228	VC1650	Phạm Thị Hoài Trang	14/3/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		86,0		86,0	Trúng tuyển

10

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
229	VC1544	Nguyễn Thị Thảo	20/01/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		79,8		79,8	Trúng tuyển
230	VC1143	Phạm Thị Hồng	22/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		68,5		68,5	Trúng tuyển
231	VC1119	Phạm Trung Hiếu	04/5/1999	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		64,0		64,0	Trúng tuyển
232	VC1242	Phạm Thị Lan	13/10/1985	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		57,0		57,0	
233	VC1047	Nguyễn Thị Thu Hà	18/11/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		56,5		56,5	
234	VC0963	Nguyễn Thị Thanh Bình	04/8/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công	CTB	50,5	5,0	55,5	
235	VC1461	Vũ Hà Phương	13/8/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		53,5		53,5	
236	VC1431	Phạm Quỳnh Như	02/5/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		52,0		52,0	
237	VC1378	Vũ Thị Nga	20/12/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		51,5		51,5	
238	VC1591	Bùi Thị Minh Thư	12/01/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		51,3		51,3	
239	VC1376	Phạm Thị Quỳnh Nga	24/4/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		49,8		49,8	
240	VC1742	Lý Thị Thơ	07/10/1994	Nữ	ĐH. Ths	GDTC, Giáo dục học	GV	GDTC	TH Định Công		67,5		67,5	Trúng tuyển
241	VC1751	Đỗ Ngọc Bích	22/12/1987	Nữ	ĐH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Mĩ thuật	TH Định Công		71,0		71,0	Trúng tuyển
242	VC1782	Đỗ Thị Hiền	04/02/1985	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Định Công		Bỏ thi		Bỏ thi	
243	VC1800	Nguyễn Thu Hương	10/11/1993	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Định Công		57,5		57,5	Trúng tuyển
244	VC1776	Vũ Thị Hà	28/02/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	GV	Tiếng Anh	TH Định Công		55,0		55,0	Trúng tuyển
245	VC1759	Bùi Thị Lan Anh	12/12/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Định Công		41,3		41,3	
246	VC1758	Nguyễn Thị Phúc An	01/8/1975	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Định Công		39,5		39,5	
247	VC1773	Nguyễn Thị Định	08/8/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Định Công		39,0		39,0	
248	VC2073	Nguyễn Văn Tiến	09/02/1989	Nam	TC	Hành chính văn thư	NV	Văn thư	TH Định Công		Bỏ thi		Bỏ thi	
249	VC2074	Trần Phương Thảo	18/7/1982	Nữ	ĐH	Kế toán + CCVTLT	NV	Văn thư	TH Định Công		72,5		72,5	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
250	VC2065	Vũ Thị Ngọc Anh	06/7/2002	Nữ	ĐH	Luật + CCVTLT	NV	Văn thư	TH Định Công		57,5		57,5	
251	VC2072	Ngô Thị Tâm	28/12/1981	Nữ	ĐH	Lưu trữ học và quản trị văn phòng + CCVTLT	NV	Văn thư	TH Định Công		55,0		55,0	
252	VC2070	Phương Hồng Nhung	25/7/2000	Nữ	ĐH	Báo chí + CCVTLT	NV	Văn thư	TH Giáp Bát		Bỏ thi		Bỏ thi	
253	VC2071	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	24/02/1992	Nữ	TC	Văn thư - Lưu trữ	NV	Văn thư	TH Giáp Bát		85,5		85,5	Trúng tuyển
254	VC2066	Nguyễn Thị Bích	17/02/1984	Nữ	TC	Hành chính văn thư	NV	Văn thư	TH Giáp Bát		68,5		68,5	
255	VC1054	Phạm Thu Hà	20/12/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		87,5		87,5	Trúng tuyển
256	VC1381	Bùi Nguyễn Thu Ngân	02/01/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		87,3		87,3	Trúng tuyển
257	VC1116	Trần Thúy Hiền	15/7/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		87,0		87,0	Trúng tuyển
258	VC1311	Tạ Bích Loan	16/03/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		87,0		87,0	Trúng tuyển
259	VC1328	Trịnh Phương Thảo Ly	03/10/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		87,0		87,0	Trúng tuyển
260	VC1429	Trần Thị Hồng Nhung	27/12/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		87,0		87,0	Trúng tuyển
261	VC0955	Quách Minh Ánh	17/7/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		86,5		86,5	Trúng tuyển
262	VC0958	Lê Thị Bích	07/7/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		86,3		86,3	Trúng tuyển
263	VC1221	Tạ Thúy Hường	26/3/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		86,0		86,0	Trúng tuyển
264	VC1318	Bùi Khánh Ly	05/08/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		86,0		86,0	Trúng tuyển
265	VC1613	Dương Thùy Trang	02/4/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		79,5		79,5	
266	VC1435	Nguyễn Thị Oanh	04/01/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		79,0		79,0	
267	VC1352	Lưu Thảo My	04/7/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		75,5		75,5	

20

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
268	VC1442	Lê Hà Phương	06/11/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		74,5		74,5	
269	VC1469	Vũ Thị Bích Phương	30/11/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		72,3		72,3	
270	VC1126	Nguyễn Thị Hồng Hoa	28/7/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		71,3		71,3	
271	VC1468	Nguyễn Thị Bích Phương	02/01/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		68,3		68,3	
272	VC1313	Trần Thị Thanh Loan	01/8/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		65,5		65,5	
273	VC1370	Lê Hằng Nga	24/3/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		65,3		65,3	
274	VC1099	Lê Thị Hiền	06/01/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		61,5		61,5	
275	VC1593	Nguyễn Thị Thư	02/11/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		61,3		61,3	
276	VC1287	Nguyễn Ngọc Linh	05/6/2001	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		61,0		61,0	
277	VC1665	Lê Thanh Trúc	05/11/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		60,3		60,3	
278	VC1102	Nguyễn Thị Hiền	03/12/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		58,5		58,5	
279	VC1233	Hoàng Thị Lan	04/11/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		55,5		55,5	
280	VC1697	Ngô Đức Anh	03/10/1996	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Hoàng Liệt		72,5		72,5	Trúng tuyển
281	VC1736	Ngô Văn Tuyển	03/02/1996	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Hoàng Liệt		69,5		69,5	Trúng tuyển
282	VC1841	Vũ Thị Phương Thu	23/8/1990	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Hoàng Liệt		59,0		59,0	Trúng tuyển
283	VC1806	Nguyễn Thị Hương Liên	05/09/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng anh	GV	Tiếng Anh	TH Hoàng Liệt		56,5		56,5	Trúng tuyển
284	VC1783	Nguyễn Thị Hiền	25/11/1978	Nữ	ĐH	Tiếng Anh sư phạm	GV	Tiếng Anh	TH Hoàng Liệt		35,0		35,0	

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
285	VC0951	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/01/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		86,8		86,8	Trúng tuyển
286	VC1600	Đỗ Hương Trà	04/11/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		86,3		86,3	Trúng tuyển
287	VC0912	Nguyễn Ngọc Anh	02/7/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		86,0		86,0	Trúng tuyển
288	VC0979	Đỗ Yến Chi	20/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		86,0		86,0	Trúng tuyển
289	VC1134	Nguyễn Khánh Hòa	13/8/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		86,0		86,0	Trúng tuyển
290	VC1608	Bùi Thu Trang	03/01/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		86,0		86,0	Trúng tuyển
291	VC1694	Lê Thị Hải Yến	17/01/1997	Nữ	Ths	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		76,8		76,8	Trúng tuyển
292	VC0967	Nguyễn Thị Kim Cúc	30/3/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		64,5		64,5	Trúng tuyển
293	VC1627	Nguyễn Hà Trang	01/12/1991	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		61,3		61,3	Trúng tuyển
294	VC1362	Dương Khánh Ni	01/12/1992	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		58,3		58,3	
295	VC1091	Trần Bảo Hân	03/4/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		57,0		57,0	
296	VC0960	Thiều Nguyễn Ngọc Bích	13/10/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		56,0		56,0	
297	VC1005	Đào Hà Ánh Dương	23/12/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		52,8		52,8	
298	VC1480	Dương Thúy Quỳnh	15/8/1997	Nữ	ĐH	GDTH; Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		50,8		50,8	
299	VC1655	Vũ Mai Trang	18/10/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		50,0		50,0	
300	VC0920	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		48,8		48,8	
301	VC1706	Trần Quang Đạt	26/02/1999	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Hoàng Mai		89,5		89,5	Trúng tuyển

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
302	VC1707	Đặng Quang Đăng	24/8/1996	Nam	ĐH, Ths	GDTC; Giáo dục học	GV	GDTC	TH Hoàng Mai		88,5		88,5	Trúng tuyển
303	VC1786	Mạc Thị Hiệu	23/6/1985	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Hoàng Mai		60,5		60,5	Trúng tuyển
304	VC2052	Nguyễn Thị Thu Huyền	20/10/1985	Nữ	ĐH	Thư viện - Thông tin	NV	Thư viện	TH Hoàng Mai		75,0		75,0	Trúng tuyển
305	VC2055	Lê Huyền Mi	28/7/1993	Nữ	ĐH	Quản trị nhân lực + CCTV	NV	Thư viện	TH Hoàng Mai		60,0		60,0	
306	VC2054	Dương Thị Liễu	12/5/1986	Nữ	CĐ	Thư viện - Thông tin	NV	Thư viện	TH Hoàng Mai		50,0		50,0	
307	VC1609	Cao Thị Thu Trang	28/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		86,0		86,0	Trúng tuyển
308	VC1649	Phạm Thị Hà Trang	29/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		86,0		86,0	Trúng tuyển
309	VC0903	Lương Ngọc Anh	24/12/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		68,0		68,0	Trúng tuyển
310	VC1641	Nguyễn Thu Trang	08/6/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		64,0		64,0	
311	VC0961	Bùi Thanh Bình	12/02/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		59,5		59,5	
312	VC1338	Trần Thị Phương Mai	15/5/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		59,0		59,0	
313	VC1025	Ngô Ngân Giang	28/7/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		58,5		58,5	
314	VC1577	Lưu Thị Thùy	15/7/1989	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		41,8		41,8	
315	VC0874	Nguyễn Thị Thu Trang	14/2/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Linh Đàm		84,0		84,0	Trúng tuyển
316	VC1064	Quách Hồng Hạnh	23/8/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm	DTTS	Bỏ thi		Bỏ thi	
317	VC1166	Nguyễn Khánh Huyền	18/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		Bỏ thi		Bỏ thi	
318	VC1392	Lê Minh Ngọc	11/02/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		Bỏ thi		Bỏ thi	

de

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
319	VC1403	Trương Bích Ngọc	03/09/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		Bỏ thi		Bỏ thi	
320	VC1411	Phạm Thị Nguyệt	20/4/1988	Nữ	Ths, ĐH	GDTH; Giáo dục học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		Bỏ thi		Bỏ thi	
321	VC1098	Lã Thu Hiền	11/9/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		88,5		88,5	Trúng tuyển
322	VC0972	Bùi Minh Châu	14/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		88,0		88,0	Trúng tuyển
323	VC1012	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/8/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		88,0		88,0	Trúng tuyển
324	VC0946	Lê Thị Ánh	10/8/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		87,0		87,0	Trúng tuyển
325	VC0922	Nguyễn Thị Phương Anh	15/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,5		86,5	Trúng tuyển
326	VC1052	Nguyễn Thu Hà	18/9/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,5		86,5	Trúng tuyển
327	VC1084	Nguyễn Thị Thu Hằng	06/04/1989	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,5		86,5	Trúng tuyển
328	VC1199	Nguyễn Thị Thu Hương	01/01/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,5		86,5	Trúng tuyển
329	VC0956	Hoàng Ngọc Ân	18/7/1989	Nữ	Ths, ĐH	GDTH; Khoa học giáo dục	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,3		86,3	Trúng tuyển
330	VC1181	Nguyễn Thị Thu Huyền	12/12/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,3		86,3	Trúng tuyển
331	VC1219	Nguyễn Thu Hường	03/11/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,3		86,3	Trúng tuyển
332	VC0941	Vũ Minh Anh	15/8/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
333	VC0968	Phạm Bạch Cúc	27/12/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
334	VC1174	Nguyễn Thị Huyền	08/4/1988	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
335	VC1183	Nguyễn Thu Huyền	24/5/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
336	VC1445	Nguyễn Thảo Phương	13/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
337	VC1494	Triệu Như Quỳnh	26/3/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
338	VC1517	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	04/9/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
339	VC1598	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/12/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
340	VC1642	Nguyễn Thu Trang	17/4/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
341	VC1682	Vũ Thảo Vân	18/11/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
342	VC1382	Lê Thanh Ngân	01/10/1986	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		85,8		85,8	Trúng tuyển
343	VC1080	Nguyễn Thị Thanh Hằng	01/3/1995	Nữ	Ths	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		80,0		80,0	Trúng tuyển (do có điểm thi phần thi Kiến thức chung tại vòng 1 cao hơn là 39 điểm)
344	VC1131	Đoàn Khánh Hòa	22/11/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		80,0		80,0	Trúng tuyển (do có điểm thi phần thi Kiến thức chung tại vòng 1 cao hơn là 39 điểm)
345	VC1086	Nguyễn Thúy Hằng	03/9/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		80,0		80,0	Trúng tuyển (do có điểm thi phần thi Kiến thức chung tại vòng 1 cao hơn là 36 điểm)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
346	VC0977	Đoàn Kim Chi	29/12/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		80,0		80,0	Trúng tuyển (do có điểm thi phần thi Kiến thức chung tại vòng 1 cao hơn là 34 điểm)
347	VC1482	Đinh Thị Quỳnh	05/3/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		80,0		80,0	Điểm thi phần Kiến thức chung tại vòng 1 (31 điểm)
348	VC1173	Nguyễn Thị Huyền	19/10/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		79,5		79,5	
349	VC1618	Hoàng Quỳnh Trang	08/5/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		79,0		79,0	
350	VC1147	Vũ Mai Huê	5/12/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		78,5		78,5	
351	VC1249	Hoàng Thị Liên	20/8/1991	Nữ	ĐH	GDTH; Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		78,0		78,0	
352	VC1447	Nguyễn Thị Phương	09/10/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		77,5		77,5	
353	VC1316	Nguyễn Thị Lương	23/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		76,8		76,8	
354	VC0911	Nguyễn Minh Anh	28/12/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		76,3		76,3	
355	VC1303	Vũ Thị Diệu Linh	29/12/1991	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		76,0		76,0	
356	VC1541	Nguyễn Phương Thảo	01/10/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		76,0		76,0	
357	VC1582	Tạ Thị Minh Thủy	15/02/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		76,0		76,0	
358	VC1332	Nguyễn Ngọc Mai	22/6/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		75,5		75,5	

10

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
359	VC1534	Lê Phương Thảo	05/01/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		75,5		75,5	
360	VC1512	Vũ Thị Tú Tú	07/11/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		75,3		75,3	
361	VC1161	Đỗ Thu Huyền	30/11/1995	Nữ	Đh	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		75,0		75,0	
362	VC1026	Nguyễn Bảo Giang	12/6/1999	Nữ	Ths, ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh; Giáo dục học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		74,5		74,5	
363	VC0895	Hoàng Thị Lan Anh	10/12/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		74,3		74,3	
364	VC0884	Đặng Hoàng Anh	01/01/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		74,0		74,0	
365	VC1029	Nguyễn Thị Giang	20/11/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		74,0		74,0	
366	VC0995	Kiều Thùy Dung	28/12/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		73,8		73,8	
367	VC1309	Nguyễn Thị Loan	28/12/1987	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		73,0		73,0	
368	VC1288	Nguyễn Phương Linh	05/9/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		71,5		71,5	
369	VC1067	Nguyễn Thị Hào	06/02/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		71,3		71,3	
370	VC1189	Chu Thảo Hương	04/7/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		71,3		71,3	
371	VC1320	Đặng Thảo Ly	13/7/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		71,0		71,0	
372	VC1031	Nguyễn Trà Giang	05/5/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		70,5		70,5	
373	VC1299	Tô Hoài Mai Linh	19/11/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		70,5		70,5	
374	VC1554	Nguyễn Thị Thắm	12/9/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		70,3		70,3	
375	VC1278	Lê Thùy Linh	11/11/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		69,5		69,5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
376	VC0933	Phùng Thị Mai Anh	23/02/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		69,0		69,0	
377	VC1528	Đinh Thị Phương Thảo	08/4/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		68,5		68,5	
378	VC1676	Nguyễn Thị Vân	27/9/1987	Nữ	ĐH	GDTH; Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		68,5		68,5	
379	VC1493	Phạm Thị Như Quỳnh	08/9/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		68,5		68,5	
380	VC1348	Quách Hoàng Minh	07/8/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		67,8		67,8	
381	VC1083	Nguyễn Thị Thu Hằng	13/9/2001	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		67,5		67,5	
382	VC1113	Nhân Thị Hiền	21/02/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		67,5		67,5	
383	VC0985	Đức Thị Chuyên	27/4/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		67,0		67,0	
384	VC1111	Nguyễn Thúy Hiền	14/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		67,0		67,0	
385	VC1543	Nguyễn Thanh Thảo	22/12/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		66,8		66,8	
386	VC1343	Trương Minh Mến	13/7/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		66,0		66,0	
387	VC0990	Tạ Bích Diệp	24/5/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		65,0		65,0	
388	VC1625	Lưu Thu Trang	01/06/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		64,8		64,8	
389	VC1257	Cao Phương Linh	03/11/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		64,5		64,5	
390	VC0964	Trần Thị Cấn	05/7/1987	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		63,5		63,5	
391	VC1327	Trần Thị Phương Ly	17/5/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		63,0		63,0	
392	VC1658	Vũ Thu Trang	24/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		62,8		62,8	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
393	VC1346	Lã Thị Hồng Minh	07/10/1998	Nữ	ĐH	GDTH; Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		62,3		62,3	
394	VC1285	Nguyễn Diệu Linh	04/5/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		62,0		62,0	
395	VC1358	Nguyễn Trịnh Trà My	04/8/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		62,0		62,0	
396	VC0965	Hoàng Thị Cúc	12/3/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		61,0		61,0	
397	VC1037	Đào Thị Thu Hà	21/8/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		61,0		61,0	
398	VC1545	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/01/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		61,0		61,0	
399	VC1433	Khổng Thị Oanh	14/8/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		60,8		60,8	
400	VC1580	Nguyễn Thị Thủy	09/5/1991	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		59,8		59,8	
401	VC1653	Trần Thị Cẩm Trang	15/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		59,5		59,5	
402	VC0984	Phạm Thị Hồng Chinh	28/9/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		59,0		59,0	
403	VC0959	Nguyễn Thị Bích	09/3/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		58,5		58,5	
404	VC1527	Công Phương Thảo	07/10/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		58,5		58,5	
405	VC1396	Nguyễn Khánh Ngọc	13/3/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		58,3		58,3	
406	VC1129	Trần Thị Hoa	06/01/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		57,8		57,8	
407	VC1395	Nguyễn Hồng Ngọc	06/11/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		57,8		57,8	
408	VC1101	Nguyễn Phương Hiền	25/01/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		57,5		57,5	
409	VC1620	Lã Thị Huyền Trang	13/02/1992	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		57,5		57,5	

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
410	VC1684	Vũ Thị Vân	01/11/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		57,3		57,3	
411	VC1094	Nguyễn Thị Mai Hiền	17/6/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		56,8		56,8	
412	VC1290	Nguyễn Thị Khánh Linh	27/11/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		55,5		55,5	
413	VC1584	Bùi Thị Minh Thúy	20/02/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		54,8		54,8	
414	VC1432	Dương Thị Oanh	27/6/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		54,0		54,0	
415	VC1340	Lê Đức Mạnh	01/7/1992	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		51,5		51,5	
416	VC1475	Nguyễn Thị Quyên	24/11/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		51,5		51,5	
417	VC1572	Phạm Thị Thanh Thùy	15/02/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		50,5		50,5	
418	VC1583	Trần Thu Thùy	06/9/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		50,5		50,5	
419	VC1656	Vũ Minh Trang	23/11/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		50,5		50,5	
420	VC1669	Lê Thị Lương Uyên	25/10/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		50,5		50,5	
421	VC1540	Nguyễn Phương Thảo	31/10/1998	Nữ	ĐH	GDTH; Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		50,0		50,0	
422	VC0931	Phạm Thị Lan Anh	22/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		47,5		47,5	
423	VC1128	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	22/9/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		47,3		47,3	
424	VC1384	Nguyễn Thị Ngân	27/10/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		45,5		45,5	
425	VC1615	Đỗ Thu Trang	25/10/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		45,5		45,5	
426	VC1341	Đỗ Thị Hồng Mây	15/02/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		43,5		43,5	
427	VC1594	Nguyễn Thị Kim Thư	07/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		40,0		40,0	
428	VC1191	Dương Thị Thanh Hương	08/7/1991	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		36,5		36,5	

10

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
429	VC1195	Nguyễn Bá Thị Lan Hương	12/7/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		30,8		30,8	
430	VC1732	Lương Văn Song	16/9/1996	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Linh Đàm	DTTS	86,0	5,0	91,0	Trúng tuyển
431	VC1731	Nguyễn Văn Quý	18/3/1998	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Linh Đàm		90,5		90,5	Trúng tuyển
432	VC1716	Nguyễn Sơn Lâm	02/4/1996	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Linh Đàm		87,0		87,0	Trúng tuyển
433	VC1749	Phạm Hồng Vân	07/02/2002	Nữ	ĐH	GDTC	GV	GDTC	TH Linh Đàm		86,5		86,5	Trúng tuyển
434	VC1743	Đặng Thu Thủy	14/5/1981	Nữ	ĐH	GDTC	GV	GDTC	TH Linh Đàm		75,0		75,0	
435	VC1717	Đồng Khánh Linh	02/8/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Linh Đàm		68,5		68,5	
436	VC1698	Nguyễn Quyền Anh	05/02/2000	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Linh Đàm		67,5		67,5	
437	VC1718	Lê Diệp Linh	12/3/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Linh Đàm		67,5		67,5	
438	VC1730	Nguyễn Thị Phương	18/9/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Linh Đàm		67,5		67,5	
439	VC1739	Phùng Thị Thanh	07/02/1992	Nữ	ĐH	GDTC	GV	GDTC	TH Linh Đàm		65,5		65,5	
440	VC1746	Bùi Đức Trọng	12/8/1995	Nam	ĐH	GDTC	GV	GDTC	TH Linh Đàm		65,5		65,5	
441	VC1737	Phạm Thị Ngọc Tuyết	02/9/1991	Nữ	ĐH	GDTC; Ngôn ngữ Anh	GV	GDTC	TH Linh Đàm		30,5		30,5	
442	VC1760	Lê Thị Lan Anh	08/6/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		86,1		86,1	Trúng tuyển
443	VC1842	Đào Thị Thủy	17/10/1991	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
444	VC1788	Nguyễn Thị Hồng Hoa	06/9/1991	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		79,5		79,5	Trúng tuyển
445	VC1840	Nguyễn Thị Thơm	10/3/1989	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		79,5		79,5	Trúng tuyển

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
446	VC1774	Bùi Thu Hà	07/5/1996	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm	CTB	73,5	5,0	78,5	
447	VC1778	Nguyễn Thanh Hằng	05/8/1988	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		71,3		71,3	
448	VC1829	Hoàng Thị Quyên	16/4/1991	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		70,0		70,0	
449	VC1789	Nguyễn Thị Phương Hoa	07/5/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		69,0		69,0	
450	VC1848	Nguyễn Thị Thu Trang	18/10/1996	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		69,0		69,0	
451	VC1791	Lưu Ánh Hồng	02/3/2000	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		68,5		68,5	
452	VC1851	Nguyễn Thị Thanh Xuân	29/4/1988	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		67,5		67,5	
453	VC1777	Nguyễn Thị Hồng Hào	17/10/2000	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		60,0		60,0	
454	VC1814	Nguyễn Thị Miên	21/02/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		57,0		57,0	
455	VC1826	Nguyễn Thị Phương	11/02/1991	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		56,5		56,5	
456	VC1802	Nguyễn Thu Hường	24/11/1993	Nữ	ĐH	Ngôn Ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		55,0		55,0	
457	VC1835	Chữ Thị Phương Thảo	28/01/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		51,0		51,0	
458	VC1838	Nguyễn Hà Phương Thảo	30/9/1990	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		51,0		51,0	
459	VC1846	Bùi Thị Thùy Trang	18/6/1996	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CĐSư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		51,0		51,0	
460	VC1798	Hà Thị Giáng Hương	22/11/1981	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		49,5		49,5	
461	VC1794	Lê Thị Ngọc Huyền	29/5/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		44,5		44,5	
462	VC1762	Trần Thị Vân Anh	19/9/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		40,0		40,0	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
463	VC1770	Đinh Thị Thùy Dung	01/8/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		37,5		37,5	
464	VC1792	Đinh Thị Hoi	28/10/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		35,0		35,0	
465	VC1833	Nguyễn Thị Thùy Tiên	25/01/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm		34,0		34,0	
466	VC1803	Nguyễn Hương Lan	28/12/1982	Nữ	Ths	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Linh Đàm	CBB	25,0	5,0	30,0	
467	VC1862	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tin học	GV	Tin	TH Linh Đàm		66,5		66,5	Trúng tuyển
468	VC1856	Trần Thị Điệp	16/7/1985	Nữ	ĐH	Công nghệ thông tin + CCSP	GV	Tin	TH Linh Đàm		65,5		65,5	Trúng tuyển
469	VC1271	Hoàng Diệu Linh	06/6/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam	DTTS	Bỏ thi		Bỏ thi	
470	VC1662	Đỗ Kiều Trinh	15/3/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam	CBB	87,3	5,0	92,3	Trúng tuyển
471	VC1302	Trương Diệu Linh	04/4/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		88,0		88,0	Trúng tuyển
472	VC0983	Nguyễn Tuyết Chinh	18/10/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		87,3		87,3	Trúng tuyển
473	VC1492	Nguyễn Thị Quỳnh	08/6/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		87,0		87,0	Trúng tuyển
474	VC1654	Trần Thị Quỳnh Trang	22/3/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		86,8		86,8	Trúng tuyển
475	VC1282	Ngô Thị Linh	23/8/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		86,0		86,0	Trúng tuyển
476	VC1286	Nguyễn Mỹ Linh	13/11/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		86,0		86,0	Trúng tuyển
477	VC1294	Nguyễn Thùy Linh	07/11/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		86,0		86,0	Trúng tuyển
478	VC1041	Hoàng Thu Hà	09/7/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		73,0		73,0	
479	VC1261	Doãn Thùy Linh	25/8/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		67,0		67,0	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
480	VC1681	Trần Hồng Vân	12/10/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		66,5		66,5	
481	VC1553	Vũ Phương Thảo	04/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		66,0		66,0	
482	VC1518	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	17/8/2002	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		65,5		65,5	
483	VC1089	Trương Thu Hằng	28/7/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		61,0		61,0	
484	VC1365	Phạm Thị Phương Ninh	18/7/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		60,8		60,8	
485	VC0897	Kiều Thị Lan Anh	15/02/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		59,3		59,3	
486	VC1061	Lê Bích Hạnh	19/4/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		50,5		50,5	
487	VC1537	Nguyễn Phương Thảo	14/4/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		48,5		48,5	
488	VC1326	Trần Khánh Ly	11/12/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		41,0		41,0	
489	VC1726	Trần Hoài Nam	02/10/1998	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Lĩnh Nam		87,0		87,0	Trúng tuyển
490	VC1836	Đỗ Dương Phương Thảo	11/12/1998	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Lĩnh Nam		87,5		87,5	Trúng tuyển
491	VC1785	Vũ Thị Thu Hiền	23/8/1984	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Lĩnh Nam		85,8		85,8	Trúng tuyển
492	VC1772	Nguyễn Thị Kim Dung	10/01/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Lĩnh Nam		76,5		76,5	Trúng tuyển
493	VC1049	Nguyễn Thu Hà	05/12/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		87,5		87,5	Trúng tuyển
494	VC0949	Nguyễn Ngọc Ánh	20/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		86,8		86,8	Trúng tuyển
495	VC1227	Trần Thị Lê Khanh	24/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		86,0		86,0	Trúng tuyển
496	VC1349	Vũ Thị Minh	20/10/1988	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		86,0		86,0	Trúng tuyển

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
497	VC1266	Đặng Vũ Phương Linh	13/7/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		69,0		69,0	Trúng tuyển
498	VC1200	Nguyễn Thị Xuân Hương	11/02/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		67,0		67,0	
499	VC1357	Nguyễn Trà My	18/12/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		62,3		62,3	
500	VC1659	Bùi Bảo Trâm	11/7/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		60,5		60,5	
501	VC1391	Hoàng Minh Ngọc	23/6/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		60,0		60,0	
502	VC1713	Giang Minh Hiếu	15/9/2002	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Mai Động		86,5		86,5	Trúng tuyển
503	VC1704	Nguyễn Sĩ Đại	11/7/1997	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Mai Động		69,5		69,5	
504	VC1823	Phùng Thị Nhung	12/7/2000	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Mai Động		51,5		51,5	Trúng tuyển
505	VC1796	Ngô Thị Ngọc Huyền	21/3/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Mai Động		50,5		50,5	Trúng tuyển
506	VC1256	Bùi Thùy Linh	24/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		87,0		87,0	Trúng tuyển
507	VC0937	Trần Mỹ Anh	25/10/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		86,5		86,5	Trúng tuyển
508	VC1046	Nguyễn Hồng Hà	27/9/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		86,5		86,5	Trúng tuyển
509	VC1044	Ngô Thu Hà	28/4/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		86,3		86,3	Trúng tuyển
510	VC1386	Trần Hiếu Ngân	18/9/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		86,0		86,0	Trúng tuyển
511	VC1516	Đinh Thị Tuyết	28/6/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		68,5		68,5	
512	VC1643	Nguyễn Thu Trang	27/11/1991	Nữ	ĐH	GDTH; Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Tân Định		68,3		68,3	
513	VC1673	Hoàng Khánh Vân	10/9/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		68,0		68,0	

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
514	VC1178	Nguyễn Thị Thanh Huyền	13/9/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		64,5		64,5	
515	VC1801	Nguyễn Thanh Hường	06/11/1996	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Tân Định		Bỏ thi		Bỏ thi	
516	VC1839	Nguyễn Thị Kim Thơ	02/11/1990	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Tân Định		86,8		86,8	Trúng tuyển
517	VC1784	Vũ Thị Hiền	15/01/1997	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Tân Định		86,3		86,3	Trúng tuyển
518	VC1805	Hồ Thị Liên	07/8/1985	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Tân Định		78,0		78,0	Trúng tuyển
519	VC1812	Phạm Ngọc Mai	21/3/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Tân Định	DTTS	70,0	5,0	75,0	Trúng tuyển
520	VC1780	Vi Thị Hằng	27/4/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm song ngữ Nga - Anh	GV	Tiếng Anh	TH Tân Định	DTTS	43,5	5,0	48,5	
521	VC1844	Nguyễn Thu Thủy	24/4/1991	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Tân Định		43,0		43,0	
522	VC1824	Dương Thị Oanh	15/02/1994	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Tân Định		27,0		27,0	
523	VC0871	Trần Thị Thanh Tâm	03/6/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Tân Mai		80,0		80,0	Trúng tuyển
524	VC1169	Nguyễn Minh Huyền	16/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Mai		87,8		87,8	Trúng tuyển
525	VC0940	Vũ Hạnh Ngân Anh	02/6/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Mai		87,5		87,5	Trúng tuyển
526	VC1148	Phạm Thị Huế	19/5/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Mai		69,5		69,5	
527	VC1723	Bùi Thị Mai	11/4/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Tân Mai		86,5		86,5	Trúng tuyển
528	VC1711	Nguyễn Quang Hiệp	16/9/1995	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Tân Mai		86,0		86,0	Trúng tuyển
529	VC1850	Phạm Thị Cẩm Vân	21/10/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Tân Mai		86,5		86,5	Trúng tuyển
530	VC1817	Trần Thanh Nga	22/02/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Tân Mai		86,0		86,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
531	VC1768	Nguyễn Thị Khánh Chi	14/11/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Tân Mai		69,5		69,5	
532	VC1767	Trần Thị Minh Châm	02/5/1984	Nữ	CD, ĐH	Sư phạm Tiếng anh; Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Tân Mai		60,5		60,5	
533	VC0873	Đỗ Thu Trang	30/8/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Thanh Trì		82,5		82,5	Trúng tuyển
534	VC0863	Vũ Thị Dung	01/9/1991	Nữ	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Thanh Trì		78,5		78,5	Trúng tuyển
535	VC1263	Dương Ngọc Linh	07/7/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		Bỏ thi		Bỏ thi	
536	VC1559	Bùi Thị Minh Thu	20/6/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì	CBB	87,8	5,0	92,8	Trúng tuyển
537	VC1456	Tạ Thị Lan Phương	20/12/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		88,0		88,0	Trúng tuyển
538	VC0973	Nguyễn Minh Châu	10/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		87,0		87,0	Trúng tuyển
539	VC1355	Nguyễn Hà My	22/5/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		87,0		87,0	Trúng tuyển
540	VC1021	Dương Thị Hương Giang	17/02/1988	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		86,5		86,5	Trúng tuyển
541	VC1194	Lương Xuân Hương	24/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		86,5		86,5	Trúng tuyển
542	VC1657	Vũ Quỳnh Trang	30/6/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		86,5		86,5	Trúng tuyển
543	VC0896	Hoàng Thị Phương Anh	11/3/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		86,3		86,3	Trúng tuyển
544	VC0889	Đỗ Ngọc Anh	02/12/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		86,0		86,0	Trúng tuyển
545	VC0936	Trần Hồng Anh	23/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		86,0		86,0	Trúng tuyển
546	VC1024	Ngô Hương Giang	12/11/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		80,5		80,5	
547	VC1617	Hoàng Linh Trang	20/4/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		78,0		78,0	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
548	VC1563	Nguyễn Hà Thu	01/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		77,0		77,0	
549	VC1112	Nguyễn Thúy Hiền	31/8/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		74,5		74,5	
550	VC1321	Nguyễn Thị Ly	02/12/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		72,3		72,3	
551	VC1420	Nguyễn Thị Minh Nhi	18/10/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		71,5		71,5	
552	VC1283	Ngô Thị Linh	07/12/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		67,0		67,0	
553	VC1571	Phạm Thị Thùy	03/7/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		67,0		67,0	
554	VC1325	Trần Hương Ly	15/10/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		51,5		51,5	
555	VC1274	Khổng Thị Thùy Linh	21/05/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		48,0		48,0	
556	VC1818	Triệu Thị Nga	02/02/1984	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + Sư phạm Ngữ văn	GV	Tiếng Anh	TH Thanh Trì	DTTS	58,5	5,0	63,5	Trúng tuyển
557	VC1853	Dương Minh Chiến	01/9/1995	Nam	ĐH	Công nghệ thông tin + CCSP	GV	Tin	TH Thanh Trì		79,5		79,5	Trúng tuyển
558	VC0962	Lê Hòa Bình	19/7/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		87,5		87,5	Trúng tuyển
559	VC0987	Lê Thị Ngọc Diệp	10/3/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		87,5		87,5	Trúng tuyển
560	VC0899	Lê Quỳnh Anh	24/7/1999	Nữ	ĐH	GDTH; Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		87,3		87,3	Trúng tuyển
561	VC1408	Nguyễn Ánh Nguyệt	25/10/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		87,3		87,3	Trúng tuyển
562	VC1356	Nguyễn Trà My	17/12/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		86,8		86,8	Trúng tuyển
563	VC1418	Mai Phương Nhi	28/10/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		86,5		86,5	Trúng tuyển
564	VC1032	Phạm Hương Giang	03/9/1987	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		86,3		86,3	Trúng tuyển

12

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
565	VC0948	Nguyễn Minh Ánh	07/8/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		86,0		86,0	Trúng tuyển
566	VC1114	Phạm Thị Hiền	14/5/1988	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		86,0		86,0	Trúng tuyển
567	VC1296	Phạm Khánh Linh	12/02/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		86,0		86,0	Trúng tuyển
568	VC1141	Đỗ Thị Hoàn	02/3/1990	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		80,0		80,0	Trúng tuyển
569	VC1121	Đỗ Thị Hoa	02/10/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		79,5		79,5	Trúng tuyển
570	VC1347	Lê Thị Hồng Minh	14/12/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		76,5		76,5	
571	VC1125	Nguyễn Thị Hoa	12/02/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		75,8		75,8	
572	VC0993	Bùi Thị Thùy Dung	12/01/1989	Nữ	ĐH	GDTH; Quốc tế học - Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		72,3		72,3	
573	VC1260	Doãn Thị Khánh Linh	31/8/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		70,5		70,5	
574	VC1483	Đỗ Thị Hương Quỳnh	26/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		70,0		70,0	
575	VC1262	Dương Huệ Linh	01/01/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt	DTTS	60,8	5,0	65,8	
576	VC0924	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	13/02/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		65,0		65,0	
577	VC1351	Lương Trà My	06/5/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		61,0		61,0	
578	VC1291	Nguyễn Thị Nhật Linh	23/6/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		60,5		60,5	
579	VC1455	Quách Mai Phương	28/8/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		60,0		60,0	
580	VC1028	Nguyễn Hương Giang	10/12/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		58,5		58,5	
581	VC1675	Nguyễn Hải Vân	16/4/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		58,0		58,0	
582	VC1733	Trần Văn Tài	03/10/1998	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Thịnh Liệt		91,5		91,5	Trúng tuyển

dl

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
583	VC1854	Trần Thị Diễm	22/11/1993	Nữ	ĐH	Công nghệ thông tin + CCSP	GV	Tin	TH Thịnh Liệt		63,0		63,0	Trúng tuyển
584	VC1893	Mai Thị Thu Hà	08/12/1991	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	TH Thịnh Liệt		80,5		80,5	Trúng tuyển
585	VC1901	Hoàng Thị Thà	25/9/1980	Nữ	ĐH, Ths	Kế toán	NV	Kế toán	TH Thịnh Liệt	CBB	68,5	5,0	73,5	
586	VC1891	Trần Đặng Phương Anh	29/8/2000	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	TH Thịnh Liệt		42,5		42,5	
587	VC1899	Nguyễn Thị Mai Ninh	22/9/1991	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	TH Thịnh Liệt		40,0		40,0	
588	VC1902	Đỗ Phương Thúy	13/9/1986	Nữ	ĐH	Kế toán tổng hợp	NV	Kế toán	TH Thịnh Liệt		36,5		36,5	
589	VC1890	Nguyễn Thị Phương Anh	23/12/2002	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	TH Thịnh Liệt		34,3		34,3	
590	VC0929	Phạm Ngọc Anh	03/9/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		85,5		85,5	Trúng tuyển
591	VC1503	Dương Thị Thanh Tân	28/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		79,0		79,0	Trúng tuyển
592	VC1145	Nguyễn Quang Hợp	21/7/1997	Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		66,5		66,5	Trúng tuyển
593	VC1622	Lê Phương Trang	22/4/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		65,0		65,0	Trúng tuyển
594	VC1397	Nguyễn Thị Ngọc	10/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		61,5		61,5	
595	VC1489	Nguyễn Như Quỳnh	31/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		55,5		55,5	
596	VC1586	Hà Ngọc Thúy	30/9/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		55,5		55,5	
597	VC1203	Phạm Thanh Hương	08/01/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		54,3		54,3	
598	VC1471	Nguyễn Kim Quý	09/10/1991	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		53,5		53,5	
599	VC1216	Lưu Thị Bích Hường	06/10/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		51,0		51,0	
600	VC1900	Lê Bảo Ngọc	10/8/1988	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	TH Thúy Lĩnh		85,0		85,0	Trúng tuyển

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
501	VC1894	Thái Thị Thu Hà	08/11/1995	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	TH Thúy Lĩnh		45,5		45,5	
502	VC2053	Nguyễn Thị Như Huyền	25/02/1987	Nữ	ĐH	Thông tin - Thư viện	NV	Thư viện	TH Thúy Lĩnh		55,0		55,0	Trúng tuyển
503	VC2069	Phùng Thị Ninh	10/01/1990	Nữ	ĐH, TC	Kế toán; Văn thư - Lưu trữ	NV	Văn thư	TH Thúy Lĩnh		86,5		86,5	Trúng tuyển
504	VC2067	Nguyễn Thị Hồng Liên	16/11/1991	Nữ	ĐH	Quản lý nhà nước + CCVTLT	NV	Văn thư	TH Thúy Lĩnh		75,5		75,5	
505	VC2068	Nguyễn Tuyết Mai	24/10/1995	Nữ	ĐH	Lưu trữ học	NV	Văn thư	TH Thúy Lĩnh		61,5		61,5	
506	VC1330	Đặng Ngọc Mai	05/3/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		86,0		86,0	Trúng tuyển
507	VC1581	Phạm Thu Thủy	04/3/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		86,0		86,0	Trúng tuyển
508	VC0885	Đặng Văn Anh	22/12/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		78,3		78,3	Trúng tuyển
509	VC1030	Nguyễn Thị Hương Giang	23/12/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		70,5		70,5	Trúng tuyển
510	VC1172	Nguyễn Thanh Huyền	16/02/1991	Nữ	ĐH	GDTH; Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		70,5		70,5	Trúng tuyển
511	VC1068	Hoàng Thanh Hằng	21/02/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		64,3		64,3	Trúng tuyển
512	VC1027	Nguyễn Hương Giang	02/6/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		62,5		62,5	Trúng tuyển
513	VC1542	Nguyễn Phương Thảo	27/6/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		52,0		52,0	
514	VC1437	Phạm Thị Kim Oanh	30/3/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		50,0		50,0	
515	VC1761	Lương Thị Ngọc Anh	26/10/1986	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Trần Phú		86,3		86,3	Trúng tuyển
516	VC1810	Nguyễn Ngọc Ly	27/6/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Trần Phú		72,0		72,0	
517	VC1793	Phạm Thị Huệ	10/01/1988	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Trần Phú		50,5		50,5	
518	VC1034	Trần Trà Giang	01/5/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		87,8		87,8	Trúng tuyển

SL

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
619	VC0986	Dương Thị Ngọc Diệp	31/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		87,5		87,5	Trúng tuyển
620	VC1413	Nguyễn Thanh Nhân	13/7/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		87,5		87,5	Trúng tuyển
621	VC1055	Trần Thanh Hà	21/01/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		87,0		87,0	Trúng tuyển
622	VC0976	Dương Quỳnh Chi	05/9/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		86,5		86,5	Trúng tuyển
623	VC1007	Đặng Thị Thùy Dương	12/9/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		86,5		86,5	Trúng tuyển
624	VC1390	Hà Như Ngọc	30/7/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		86,5		86,5	Trúng tuyển
625	VC1626	Nguyễn Hà Trang	28/7/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		86,3		86,3	Trúng tuyển
626	VC1268	Đinh Vũ Khánh Linh	11/8/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		86,0		86,0	Trúng tuyển
627	VC1366	Nguyễn Thị Nụ	18/10/1992	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		86,0		86,0	Trúng tuyển
628	VC1170	Nguyễn Minh Huyền	25/9/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		85,8		85,8	Trúng tuyển
629	VC0916	Nguyễn Thảo Anh	18/4/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		85,5		85,5	Trúng tuyển
630	VC1231	Đào Thị Lan	04/9/1989	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		75,0		75,0	
631	VC1175	Nguyễn Thị Huyền	04/9/1995	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		71,3		71,3	
632	VC1611	Dương Quỳnh Trang	08/01/1998	Nữ	Đh	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		70,5		70,5	
633	VC1042	Lê Thị Thanh Hà	05/9/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		70,0		70,0	
634	VC1573	Bùi Hồng Thủy	27/8/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		66,5		66,5	
635	VC1160	Đỗ Thị Khánh Huyền	11/8/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		65,0		65,0	

22

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
636	VC1063	Nguyễn Hồng Hạnh	24/11/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		64,5		64,5	
637	VC1671	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	13/11/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		64,3		64,3	
638	VC1353	Mao Thị Huyền My	27/9/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		63,8		63,8	
639	VC1107	Nguyễn Thu Hiền	25/4/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		63,5		63,5	
640	VC0981	Phạm Linh Chi	07/6/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		60,5		60,5	
641	VC1344	Nguyễn Thị Mi	10/10/1993	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		60,5		60,5	
642	VC1082	Nguyễn Thị Thu Hằng	26/12/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		58,5		58,5	
643	VC1619	Hoàng Thu Trang	12/6/1989	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		51,5		51,5	
644	VC1379	Vũ Thị Nga	29/6/1979	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		46,8		46,8	
645	VC1714	Nguyễn Duy Hưng	9/12/1995	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Vĩnh Hưng		87,5		87,5	Trúng tuyển
646	VC1756	Phạm Ngọc Quỳnh	28/11/1991	Nữ	ĐH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Mĩ thuật	TH Vĩnh Hưng		73,0		73,0	Trúng tuyển
647	VC1787	Nguyễn Quỳnh Hoa	17/9/1993	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	TH Vĩnh Hưng		78,5		78,5	Trúng tuyển
648	VC1763	Trương Ngọc Ánh	15/11/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Vĩnh Hưng		74,3		74,3	Trúng tuyển
649	VC0914	Nguyễn Nguyệt Thùy Anh	27/4/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		87,3		87,3	Trúng tuyển
650	VC1130	Vũ Diệu Hoa	20/6/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		87,3		87,3	Trúng tuyển
651	VC1415	Nguyễn Thị Nhân	30/4/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		87,3		87,3	Trúng tuyển
652	VC1400	Nguyễn Thị Như Ngọc	06/12/1992	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		87,0		87,0	Trúng tuyển

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
653	VC1074	Nguyễn Minh Hằng	04/8/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		86,3		86,3	Trúng tuyển
654	VC1182	Nguyễn Thu Huyền	22/10/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		86,0		86,0	Trúng tuyển
655	VC1223	Trần Thị Thu Hường	31/3/1996	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		86,0		86,0	Trúng tuyển
656	VC1393	Nguyễn Bích Ngọc	11/3/1998	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		86,0		86,0	Trúng tuyển
657	VC1549	Phạm Phương Thảo	08/6/1999	Nữ	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		80,3		80,3	Trúng tuyển
658	VC1226	Lê An Khanh	02/11/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		71,8		71,8	Trúng tuyển
659	VC1419	Nguyễn Mai Nhi	18/11/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		68,3		68,3	Trúng tuyển
660	VC1474	Nguyễn Thị Quyên	03/11/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		64,5		64,5	
661	VC1596	Vũ Thanh Thư	20/01/2000	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		64,0		64,0	
662	VC1616	Hà Thị Huyền Trang	23/02/1999	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở	DTTS	53,0	5,0	58,0	
663	VC1428	Phạm Thị Hồng Nhung	04/02/2002	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		57,3		57,3	
664	VC1056	Trịnh Ngọc Hà	16/4/2001	Nữ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		46,5		46,5	
665	VC1696	Đỗ Việt Anh	30/9/1997	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	TH Yên Sở		75,5		75,5	Trúng tuyển
666	VC1825	Bùi Bích Phương	29/3/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Yên Sở		86,5		86,5	Trúng tuyển
667	VC1807	Phan Thị Kiều Linh	20/8/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Yên Sở		69,5		69,5	Trúng tuyển
668	VC1795	Nông Thị Huyền	10/8/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	TH Yên Sở		49,0		49,0	
669	VC1857	Bùi Hương Giang	14/01/1984	Nữ	CD, ĐH	Sư phạm Tin - Lý, CNTT	GV	Tin	TH Yên Sở		75,5		75,5	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
III	CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ													
670	VC0049	Nguyễn Văn Khánh Trường	05/10/1996	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Đại Kim		76,5		76,5	Trúng tuyển
671	VC0046	Bùi Chí Thọ	28/5/2000	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Đại Kim		75,5		75,5	Trúng tuyển
672	VC0081	Hà Thị Mỹ Linh	27/11/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
673	VC0070	Ngô Mai Hương	25/10/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học (dạy Hóa bằng Tiếng Anh)	GV	Hóa	THCS Đại Kim		73,0		73,0	
674	VC0071	Nguyễn Thị Mai Hương	13/6/1999	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; LLPP dạy học môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		72,5		72,5	
675	VC0094	Nguyễn Thị Quỳnh Như	08/01/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		71,5		71,5	
676	VC0059	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/01/1981	Nữ	ĐH, Ths	Công nghệ hóa học; Hóa hữu cơ + CCSP	GV	Hóa	THCS Đại Kim		64,5		64,5	
677	VC0114	Lại Thu Trang	02/9/1996	Nữ	Ths	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		64,0		64,0	
678	VC0082	Hoàng Ngọc Yến Linh	01/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Hoá học dạy bằng Tiếng Anh	GV	Hóa	THCS Đại Kim		54,5		54,5	
679	VC0115	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/02/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim		51,5		51,5	
680	VC0113	Bùi Quỳnh Trang	25/5/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Đại Kim	CTB	44,0	5,0	49,0	
681	VC0161	Vũ Thị Thu Trang	15/10/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim	CNTB	80,5	5,0	85,5	Trúng tuyển
682	VC0149	Nguyễn Thị Hồng Nhung	23/7/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		79,5		79,5	
683	VC0157	Nguyễn Phương Thanh	09/5/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		75,0		75,0	
684	VC0158	Mai Thị Thắm	02/12/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Đại Kim		75,0		75,0	
685	VC0146	Phùng Thị Mai Ngân	12/4/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Vật lí (dạy Vật lí bằng Tiếng Anh)	GV	Lí	THCS Đại Kim		70,0		70,0	
686	VC0126	Lê Ngọc Anh	01/11/1991	Nữ	Ths	Vật lí + CCSP	GV	Lí	THCS Đại Kim		50,5		50,5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
687	VC0233	Đàm Phương Thanh	20/5/1995	Nữ	Ths	Lịch sử + CCSP	GV	Sử	THCS Đại Kim		64,0		64,0	Trúng tuyển
688	VC0285	Nguyễn Thị Hoa	19/3/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		Bỏ thi		Bỏ thi	
689	VC0254	Sư Thị Quỳnh	15/10/1992	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		87,5		87,5	Trúng tuyển
690	VC0272	Trần Thị Thu	02/12/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
691	VC0251	Nguyễn Quỳnh	27/10/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim	DTTS	80,0	5,0	85,0	Trúng tuyển
692	VC0257	Vũ Nhật	25/9/1997	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Tiếng Anh; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		80,0		80,0	
693	VC0245	Nguyễn Hải	14/7/1997	Nam	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		77,0		77,0	
694	VC0292	Đồng Thị Thúy	27/01/1998	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		76,3		76,3	
695	VC0329	Phạm Thảo	19/02/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		74,5		74,5	
696	VC0303	Nghiêm Thị Khánh	09/10/1997	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		73,5		73,5	
697	VC0244	Lê Trang	10/4/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		73,0		73,0	
698	VC0301	Lê Hương	19/3/1990	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		71,8		71,8	
699	VC0380	Trần Thị Hải	24/7/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		71,0		71,0	
700	VC0368	Hoàng Thị	30/10/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		70,5		70,5	
701	VC0349	Vũ Thị Như	22/02/1992	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		69,5		69,5	
702	VC0307	Nguyễn Ngọc Khánh	14/12/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		69,0		69,0	
703	VC0375	Trần Thị Trâm	20/5/1984	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Địa lí	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim	CTB	62,0	5,0	67,0	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
704	VC0342	Nguyễn Lê Thu Phương	12/7/1989	Nữ	ĐH, Ths	Tiếng Anh sư phạm; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		66,5		66,5	
705	VC0271	Trần Vũ Đăng	13/02/2000	Nam	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		66,0		66,0	
706	VC0304	Nguyễn Diệu Linh	05/5/1998	Nữ	ĐH, Ths	Ngôn ngữ Anh + CCSP; Giảng dạy Tiếng Anh như một ngoại ngữ	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		63,5		63,5	
707	VC0364	Lê Bích Thủy	17/02/2000	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		62,5		62,5	
708	VC0369	Nguyễn Thảo Trà	01/7/1991	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Tiếng Anh; LLPP dạy học Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		62,5		62,5	
709	VC0283	Mai Thị Hiệp	06/10/1983	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		61,0		61,0	
710	VC0315	Bùi Ngọc Mai	01/8/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		60,0		60,0	
711	VC0309	Tổng Khánh Linh	21/5/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		59,0		59,0	
712	VC0274	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/01/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		58,5		58,5	
713	VC0317	Nguyễn Thị Hiền Mai	27/11/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		58,5		58,5	
714	VC0324	Lê Minh Ngọc	20/12/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		58,0		58,0	
715	VC0288	Đỗ Thuý Huyền	13/6/1994	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		57,5		57,5	
716	VC0350	Nguyễn Thị Thanh Tâm	19/5/1986	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		57,5		57,5	
717	VC0351	Nguyễn Thị Tuyết	16/4/1988	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		54,5		54,5	
718	VC0279	Vương Thị Hằng	06/02/1989	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		53,5		53,5	
719	VC0249	Nguyễn Phương Anh	10/11/1999	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Đại Kim		51,5		51,5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
720	VC0383	Nguyễn Thị Thanh Hằng	16/12/1999	Nữ	ĐH	Công nghệ thông tin + CCSP	GV	Tin	THCS Đại Kim		64,5		64,5	Trúng tuyển
721	VC0489	Nguyễn Thị Mai Hoa	28/11/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		Bỏ thi		Bỏ thi	
722	VC0453	Chu Thị Hà	01/9/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		Bỏ thi		Bỏ thi	
723	VC0403	Phạm Thị Phương Anh	19/3/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		86,5		86,5	Trúng tuyển
724	VC0663	Trần Thị Phương Thảo	26/6/1995	Nữ	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		86,5		86,5	Trúng tuyển
725	VC0602	Trần Hà Nhi	25/10/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
726	VC0614	Nguyễn Thị Oanh	01/3/1998	Nữ	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		80,0		80,0	
727	VC0652	Tăng Ngọc Thanh	22/7/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		80,0		80,0	
728	VC0442	Trần Khánh Dương	21/9/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		76,5		76,5	
729	VC0574	Đỗ Thị Thúy Nga	05/01/1987	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán giải tích	GV	Toán	THCS Đại Kim		73,0		73,0	
730	VC0492	Nguyễn Thị Hòa	25/12/1999	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; LLPP dạy học bộ môn Toán	GV	Toán	THCS Đại Kim	CBB	64,0	5,0	69,0	
731	VC0448	Chữ Lương Giang	01/6/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		68,5		68,5	
732	VC0392	Lê Thị Mai Anh	11/9/1995	Nữ	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		67,0		67,0	
733	VC0715	Hoàng Thanh Xuân	25/8/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		67,0		67,0	
734	VC0411	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/7/1994	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán; LLPP dạy học Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		66,0		66,0	
735	VC0490	Nguyễn Thị Thanh Hoa	09/4/1992	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		65,5		65,5	
736	VC0397	Nguyễn Nam Anh	17/10/1995	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học: Toán ứng dụng	GV	Toán	THCS Đại Kim		64,5		64,5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
737	VC0711	Nguyễn Bảo Uyên	30/5/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		59,0		59,0	
738	VC0689	Đặng Thị Huyền Trang	02/9/1990	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		55,0		55,0	
739	VC0719	Nguyễn Thị YẾN	29/9/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		55,0		55,0	
740	VC0687	Dương Thu Trang	23/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		53,5		53,5	
741	VC0682	Nguyễn Thu Thúy	15/12/1991	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		52,5		52,5	
742	VC0645	Cao Thị Thanh Tuyền	13/01/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		51,0		51,0	
743	VC0672	Nguyễn Minh Thu	05/10/1999	Nữ	ĐH	Toán học + CCSP	GV	Toán	THCS Đại Kim		51,0		51,0	
744	VC0472	Nguyễn Thị Thu Hằng	25/10/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		42,0		42,0	
745	VC0400	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	22/3/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Đại Kim		30,0		30,0	
746	VC0404	Phan Hà Anh	20/10/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học dạy bằng Tiếng Anh	GV	Toán	THCS Đại Kim		30,0		30,0	
747	VC0728	Nông Thị Phương Anh	03/7/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim	DTTS	Bỏ thi		Bỏ thi	
748	VC0737	Nguyễn Thị Bích	10/01/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		Bỏ thi		Bỏ thi	
749	VC0829	Lê Lam Tiên	22/02/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		87,0		87,0	Trúng tuyển
750	VC0792	Nguyễn Tú Linh	21/6/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		86,0		86,0	Trúng tuyển
751	VC0779	Đỗ Thị Lan	02/9/1988	Nữ	Ths	Văn học + CCSP	GV	Văn	THCS Đại Kim		76,5		76,5	
752	VC0825	Nguyễn Lê Quyên	14/4/1993	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ Văn; Văn học Việt Nam	GV	Văn	THCS Đại Kim		76,0		76,0	
753	VC0732	Nguyễn Thị Vân Anh	27/8/1998	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		74,5		74,5	

(Chữ ký)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
754	VC0745	Chu Thị Duyên	13/11/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		73,5		73,5	
755	VC0841	Bùi Bích Thủy	08/3/1997	Nữ	Ths	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		73,0		73,0	
756	VC0839	Nguyễn Thanh Thảo	29/7/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		71,0		71,0	
757	VC0750	Doãn Thị Hoàng Giang	08/8/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		68,5		68,5	
758	VC0762	Đỗ Minh Hiếu	24/11/2002	Nam	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		68,5		68,5	
759	VC0838	Nguyễn Phương Thảo	21/10/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		66,0		66,0	
760	VC0776	Bạch Thị Thu Hường	12/6/1990	Nữ	ĐH	Ngữ Văn + CCSP	GV	Văn	THCS Đại Kim		60,5		60,5	
761	VC0850	Tạ Thị Huyền Trang	27/02/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		55,0		55,0	
762	VC1906	Đỗ Bảo Khánh	25/4/1993	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	THCS Đền Lừ		85,3		85,3	Trúng tuyển
763	VC1909	Nguyễn Xuân Nhạ	04/7/2002	Nam	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	THCS Đền Lừ		19,0		19,0	
764	VC0330	Lưu Thị Thanh Nhân	26/9/1999	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Định Công		86,0		86,0	Trúng tuyển
765	VC0268	Nguyễn Ngọc Dung	20/4/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Định Công		75,0		75,0	
766	VC0294	Nguyễn Thúy Lan	09/12/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Định Công		75,0		75,0	
767	VC0311	Nguyễn Thị Thanh Loan	22/9/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Định Công		68,5		68,5	
768	VC0387	Trần Thị Liên	30/8/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tin học	GV	Tin	THCS Định Công		68,5		68,5	Trúng tuyển
769	VC0596	Vũ Hạnh Nguyên	14/7/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		86,5		86,5	Trúng tuyển
770	VC0513	Đàm Mai Hương	10/12/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		71,0		71,0	

10

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
771	VC0639	Ngô Thị Tình	08/5/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		60,5		60,5	
772	VC0659	Nguyễn Thị Hương Thảo	22/3/1992	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		57,5		57,5	
773	VC0685	Nguyễn Thu Trà	05/11/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Định Công		33,0		33,0	
774	VC0005	Phạm Hương Linh	04/10/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	THCS Hoàng Liệt		61,5		61,5	Trúng tuyển
775	VC0041	Nguyễn Hữu Huân	16/6/1995	Nam	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Hoàng Liệt		78,5		78,5	Trúng tuyển
776	VC0117	Lưu Thị Thúy Dung	08/01/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	GV	KTCN	THCS Hoàng Liệt		75,0		75,0	Trúng tuyển
777	VC0169	Nguyễn Thị Hạnh	12/3/1992	Nữ	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	THCS Hoàng Liệt		60,5		60,5	Trúng tuyển
778	VC0357	Trần Thị Thơm	12/7/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		Bỏ thi		Bỏ thi	
779	VC0243	Đàm Ngọc Anh	14/9/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		87,0		87,0	Trúng tuyển
780	VC0316	Lương Ngọc Quỳnh Mai	27/4/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		86,5		86,5	Trúng tuyển
781	VC0378	Đặng Hải Yến	04/02/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		86,5		86,5	Trúng tuyển
782	VC0312	Nguyễn Thị Lựu	15/02/1988	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Tiếng Anh; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		78,5		78,5	
783	VC0356	Hoàng Minh Anh Thơ	22/6/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		76,0		76,0	
784	VC0258	Hoàng Thị Ngọc Ánh	08/02/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		75,0		75,0	
785	VC0346	Dương Thị Mỹ Quỳnh	11/12/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		72,0		72,0	
786	VC0370	Dương Thu Trang	15/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		72,0		72,0	
787	VC0372	Phạm Minh Trang	04/6/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		72,0		72,0	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
788	VC0246	Nguyễn Mai Anh	28/6/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		70,5		70,5	
789	VC0281	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/9/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		70,5		70,5	
790	VC0373	Phạm Thu Trang	28/5/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		67,0		67,0	
791	VC0333	Cao Thị Yến Nhi	19/02/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		65,3		65,3	
792	VC0358	Nguyễn Thị Thu	14/9/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		63,5		63,5	
793	VC0336	Nguyễn Hồng Nhung	29/11/1996	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh, Sư phạm Lịch sử	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		59,5		59,5	
794	VC0339	Bùi Lan Phương	03/9/1988	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		59,5		59,5	
795	VC0270	Lê Thị Duyên	14/12/1992	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Liệt		53,0		53,0	
796	VC0447	Trần Minh Đức	15/10/1998	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		86,5		86,5	Trúng tuyển
797	VC0511	Nguyễn Đình Hưng	11/10/1994	Nam	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		86,5		86,5	Trúng tuyển
798	VC0629	Hoàng Phương Quỳnh	12/9/1990	Nữ	Ths	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		86,5		86,5	Trúng tuyển
799	VC0485	Vũ Minh Hiếu	10/6/2001	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		80,0		80,0	
800	VC0700	Nguyễn Thị Thu Trang	25/7/1998	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		80,0		80,0	
801	VC0431	Kim Thị Dung	07/9/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		75,0		75,0	
802	VC0671	Nguyễn Hoài Thu	21/6/1998	Nữ	Ths	Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		72,0		72,0	
803	VC0529	Hoàng Thị Lệ	24/7/1991	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Đại số và lý thuyết số	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		67,0		67,0	
804	VC0491	Trần Thị Hoa	19/01/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		65,0		65,0	
805	VC0591	Trương Thị Ngọc	01/02/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt	CTB	60,0	5,0	65,0	

(Chữ ký)

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
806	VC0436	Tạ Thị Dung	04/11/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		64,5		64,5	
807	VC0595	Phạm Hạnh Nguyên	11/01/1992	Nữ	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		63,0		63,0	
808	VC0456	Phạm Mỹ Hà	13/3/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		59,0		59,0	
809	VC0570	Vũ Thị Na	12/3/1988	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		57,5		57,5	
810	VC0633	Nguyễn Trịnh Tam	01/4/2002	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		57,5		57,5	
811	VC0405	Phan Thị Kiều Anh	24/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		56,0		56,0	
812	VC0475	Phan Thị Thúy Hằng	11/7/1997	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		53,5		53,5	
813	VC0512	Bùi Thanh Hương	31/01/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		42,0		42,0	
814	VC0691	Đỗ Thị Thu Trang	19/7/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		34,5		34,5	
815	VC0551	Hoàng Thị Lưu Ly	18/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Liệt		32,0		32,0	
816	VC0810	Đặng Phương Nga	04/7/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		86,5		86,5	Trúng tuyển
817	VC0807	Kim Uyển My	08/11/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		86,0		86,0	Trúng tuyển
818	VC0738	Nguyễn Thị Minh Bích	20/9/1998	Nữ	Ths	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt	CTB	75,5	5,0	80,5	
819	VC0782	Phạm Xuân Lâm	13/7/2002	Nam	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		79,0		79,0	
820	VC0826	Nguyễn Hương Quỳnh	02/11/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		78,5		78,5	
821	VC0786	Đỗ Thị Linh	01/5/1998	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ Văn; Văn học; Ngôn ngữ Anh	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		76,5		76,5	
822	VC0855	Nguyễn Hồng Vân	02/10/1998	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Văn học	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		76,0		76,0	
823	VC0754	Trần Thị Thu Hà	17/01/1989	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Văn học	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		75,0		75,0	
824	VC0757	Nguyễn Hà Minh Hằng	22/6/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		61,5		61,5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
825	VC2075	Nguyễn Thị Lệ Thu	12/7/1993	Nữ	CD	Văn thư hành chính	NV	Văn thư	THCS Hoàng Liệt		45,0		45,0	
826	VC2076	Hoàng Gia Thuận	03/10/1999	Nam	ĐH	SP Ngữ văn + CCVTLT	NV	Văn thư	THCS Hoàng Liệt		Bỏ thi		Bỏ thi	
827	VC0197	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	29/9/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Khoa học tự nhiên	GV	Sinh	THCS Hoàng Mai		75,5		75,5	Trúng tuyển
828	VC0179	Vũ Thị Hoa Dừa	08/12/1993	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Sinh học; Động vật học	GV	Sinh	THCS Hoàng Mai		61,3		61,3	
829	VC0185	Triệu Thị Huế	26/7/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Hoàng Mai		57,8		57,8	
830	VC0205	Đỗ Thị Chanh	22/01/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Hoàng Mai		82,5		82,5	Trúng tuyển
831	VC0320	Nguyễn Trà My	20/01/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Mai		86,0		86,0	Trúng tuyển
832	VC0280	Nguyễn Thanh Hiền	15/12/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Mai		79,5		79,5	
833	VC0260	Thiều Nguyễn Ngọc Ánh	13/9/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Mai		72,0		72,0	
834	VC0289	Nguyễn Khánh Huyền	26/11/1999	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Hoàng Mai		68,5		68,5	
835	VC0657	Lê Thị Phương Thảo	24/8/1989	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Mai		Bỏ thi		Bỏ thi	
836	VC0707	Trần Thu Trang	17/8/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Mai		Bỏ thi		Bỏ thi	
837	VC0555	Đặng Thị Mai	14/8/1993	Nữ	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Mai		86,0		86,0	Trúng tuyển
838	VC0516	Nguyễn Thị Hương	23/4/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Mai		70,0		70,0	
839	VC0417	Lê Tuấn Cường	26/9/1993	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; LLPP dạy học bộ môn Toán học	GV	Toán	THCS Hoàng Mai		48,5		48,5	
840	VC0725	Lê Minh Anh	20/9/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		86,5		86,5	Trúng tuyển
841	VC0753	Nguyễn Thu Hà	20/9/1997	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Văn học nước ngoài	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		77,5		77,5	

10

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
842	VC0789	Lê Thùy Linh	01/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		77,0		77,0	
843	VC0848	Nguyễn Hạ Trang	27/3/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		63,5		63,5	
844	VC0099	Nguyễn Minh Phương	07/01/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học, ĐH Ngôn ngữ Anh	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		Bỏ thi		Bỏ thi	
845	VC0064	Chữ Nguyễn Tuấn Hoàng	12/10/1999	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học (dạy bằng Tiếng Anh); LLPP dạy môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		86,5		86,5	Trúng tuyển
846	VC0054	Đồng Lan Chi	03/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		79,0		79,0	
847	VC0107	Lưu Hoài Thu	16/6/1995	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học (dạy bằng Tiếng Anh); LLPP dạy học môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		78,5		78,5	
848	VC0092	Vũ Thị Bích Ngọc	18/12/1989	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		67,0		67,0	
849	VC0111	Nguyễn Thị Thúy	28/6/1988	Nữ	ĐH	Hóa học + CCSP	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		66,5		66,5	
850	VC0056	Nguyễn Thị Xuân Giang	06/3/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		60,5		60,5	
851	VC0093	Nguyễn Thị Nhân	04/10/1997	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; LLPP dạy học bộ môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		55,5		55,5	
852	VC0069	Vũ Thị Khánh Huyền	23/10/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		50,5		50,5	
853	VC0108	Nguyễn Thu Thủy	28/9/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học (dạy Hóa bằng Tiếng Anh)	GV	Hóa	THCS Linh Đàm		15,0		15,0	
854	VC0130	Nguyễn Chí Công	04/5/1999	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Vật lý; Vật lý lý thuyết và Vật lý toán	GV	Lí	THCS Linh Đàm		75,5		75,5	Trúng tuyển
855	VC0175	Đặng Linh Trang	12/5/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Mĩ thuật	GV	Mĩ thuật	THCS Linh Đàm		79,0		79,0	Trúng tuyển
856	VC0183	Lê Phương Hoa	19/01/1990	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh - Hóa	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		84,8		84,8	Trúng tuyển
857	VC0182	Nguyễn Thị Thu Hạnh	04/5/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		56,5		56,5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
858	VC0189	Phan Trần Khánh Linh	07/02/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		53,3		53,3	
859	VC0198	Phạm Thị Thùy Trang	04/12/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Sinh	THCS Linh Đàm		52,8		52,8	
860	VC0269	Phạm Thị Dung	01/11/1989	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		Bỏ thi		Bỏ thi	
861	VC0255	Tạ Minh Anh	31/3/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		87,0		87,0	Trúng tuyển
862	VC0355	Đinh Đức Thiện	14/12/1997	Nam	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		86,5		86,5	Trúng tuyển
863	VC0377	Phạm Thúy Vân	14/4/1989	Nữ	Ths	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		86,5		86,5	Trúng tuyển
864	VC0297	Đinh Thị Thu Linh	28/8/1989	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Tiếng Anh; LLPP giảng dạy Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		79,3		79,3	
865	VC0241	Lê Việt An	18/12/1998	Nam	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		77,0		77,0	
866	VC0328	Vũ Bảo Ngọc	05/12/1987	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm	CTB	71,5	5,0	76,5	
867	VC0327	Trần Bích Ngọc	04/8/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		73,5		73,5	
868	VC0259	Nguyễn Thị Ánh	15/5/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		72,0		72,0	
869	VC0253	Phạm Châu Anh	15/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		70,5		70,5	
870	VC0374	Vũ Ngọc Trang	29/6/1997	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		70,5		70,5	
871	VC0290	Nguyễn Thu Huyền	01/8/1998	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Tiếng Anh; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		68,5		68,5	
872	VC0341	Ngô Minh Phương	04/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		68,5		68,5	
873	VC0300	Hà Yến Linh	10/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		66,3		66,3	
874	VC0352	Phạm Lê Thanh	22/01/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm	CBB	61,0	5,0	66,0	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
875	VC0379	Phan Thị Yên	17/4/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		65,5		65,5	
876	VC0247	Nguyễn Minh Anh	06/4/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		64,5		64,5	
877	VC0319	Bùi Tuyết Minh	28/4/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		64,0		64,0	
878	VC0348	Trần Thúy Quỳnh	23/3/1991	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		63,0		63,0	
879	VC0321	Bùi Thị Thanh Nga	20/3/1986	Nữ	ĐH	Tiếng Anh sư phạm	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		62,5		62,5	
880	VC0367	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	28/8/1989	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		62,5		62,5	
881	VC0278	Phạm Thu Hằng	09/5/1992	Nữ	ĐH, Ths	Ngôn ngữ Anh; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		62,0		62,0	
882	VC0366	Nông Hồng Thúy	26/9/1985	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm	DTTS	57,0	5,0	62,0	
883	VC0277	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/10/1993	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		61,5		61,5	
884	VC0291	Đinh Thị Hương	28/6/1987	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		60,5		60,5	
885	VC0248	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	13/7/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		60,0		60,0	
886	VC0340	Đỗ Thị Phương	06/11/1988	Nữ	ĐH	Tiếng Anh, CĐSP Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		59,0		59,0	
887	VC0376	Hàn Thị Vân	17/8/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		57,5		57,5	
888	VC0344	Trần Bảo Phương	29/11/2000	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		57,0		57,0	
889	VC0347	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	19/01/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		57,0		57,0	
890	VC0371	Nguyễn Thị Thùy Trang	06/3/1982	Nữ	ĐH	Tiếng Nga - Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm	CĐCĐ	51,5	5,0	56,5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
891	VC0325	Nguyễn Diệu Ngọc	05/5/1998	Nữ	ĐH, Ths	Ngôn ngữ Anh + CCSP; Giảng dạy Tiếng Anh như một ngoại ngữ	GV	Tiếng Anh	THCS Linh Đàm		51,5		51,5	
892	VC0412	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/8/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		Bỏ thi		Bỏ thi	
893	VC0541	Nguyễn Thị Thùy Linh	14/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	THCS Linh Đàm		Bỏ thi		Bỏ thi	
894	VC0581	Đinh Kim Ngân	29/10/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		Bỏ thi		Bỏ thi	
895	VC0611	Trương Thị Tuyết Nhung	10/12/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		Bỏ thi		Bỏ thi	
896	VC0418	Phạm Bá Đức Cường	14/01/2002	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		87,5		87,5	Trúng tuyển
897	VC0573	Dương Ngọc Ninh	18/6/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		87,5		87,5	Trúng tuyển
898	VC0524	Trần Thị Thu Hương	03/5/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		86,5		86,5	Trúng tuyển
899	VC0615	Đỗ Hà Phương	28/10/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		86,5		86,5	Trúng tuyển
900	VC0473	Nguyễn Thị Thúy Hằng	02/10/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		80,0		80,0	
901	VC0391	Lã Tuấn Anh	03/7/1993	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		79,0		79,0	
902	VC0468	Lê Minh Hằng	27/02/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		79,0		79,0	
903	VC0622	Nguyễn Thị Hà Phương	14/4/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		78,5		78,5	
904	VC0534	Hà Thị Khánh Linh	04/6/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		77,0		77,0	
905	VC0601	Đôn Yến Nhi	29/10/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Linh Đàm		76,5		76,5	
906	VC0422	Nguyễn Thị Linh Chi	12/5/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		74,0		74,0	

22

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
907	VC0426	Nguyễn Bảo Chung	03/10/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	THCS Linh Đàm		72,5		72,5	
908	VC0488	Nguyễn Phương Hoa	26/5/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		69,0		69,0	
909	VC0533	Đoàn Nhật Linh	27/5/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		68,0		68,0	
910	VC0444	Phạm Quang Đạt	11/02/1992	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Ths Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		67,5		67,5	
911	VC0568	Nguyễn Trà My	09/7/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		67,0		67,0	
912	VC0610	Thái Thị Khánh Nhung	06/10/1998	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng	GV	Toán	THCS Linh Đàm		67,0		67,0	
913	VC0395	Nguyễn Duy Anh	20/9/2000	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		66,5		66,5	
914	VC0712	Nguyễn Thị Thu Uyên	09/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		64,0		64,0	
915	VC0564	Nguyễn Văn Minh	20/8/2000	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		61,5		61,5	
916	VC0623	Nguyễn Thu Phương	16/11/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		61,5		61,5	
917	VC0698	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/10/1989	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Linh Đàm		59,0		59,0	
918	VC0714	Nguyễn Thị Vinh	19/9/1989	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		57,0		57,0	
919	VC0414	Doãn Thị Như Bình	10/02/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		55,5		55,5	
920	VC0430	Đỗ Thùy Dung	15/5/1999	Nữ	ĐH	Toán học + CCSP	GV	Toán	THCS Linh Đàm		55,0		55,0	
921	VC0694	Lý Trần Phương Trang	24/8/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		54,5		54,5	
922	VC0396	Nguyễn Hà Anh	22/11/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		53,5		53,5	
923	VC0683	Đào Anh Thư	27/01/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		52,0		52,0	

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
924	VC0690	Đặng Thu Trang	14/10/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		50,5		50,5	
925	VC0401	Nguyễn Thị Vân Anh	31/8/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		50,3		50,3	
926	VC0576	Nguyễn Thanh Nga	10/11/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		50,0		50,0	
927	VC0416	Nguyễn Xuân Ca	30/9/2000	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học (dạy Toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	THCS Linh Đàm		49,0		49,0	
928	VC0621	Nguyễn Thị Bích Phương	19/10/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Linh Đàm		48,5		48,5	
929	VC0474	Phan Minh Hằng	30/8/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		45,0		45,0	
930	VC0585	Lê Thúy Ngọc	02/7/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		45,0		45,0	
931	VC0613	Hoàng Kim Oanh	02/6/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		44,0		44,0	
932	VC0616	Lê Ánh Phương	28/02/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		41,5		41,5	
933	VC0563	Nguyễn Thị Nhật Minh	16/4/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		39,0		39,0	
934	VC0693	Kim Thùy Trang	05/5/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Linh Đàm		30,0		30,0	
935	VC0854	Lê Thanh Vân	05/10/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		87,0		87,0	Trúng tuyển
936	VC0851	Trần Thu Trang	01/02/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		86,0		86,0	Trúng tuyển
937	VC0761	Trương Thị Hiền	18/10/1984	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Tiếng Anh; Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		78,5		78,5	
938	VC0791	Nguyễn Diệu Linh	16/02/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		77,5		77,5	
939	VC0843	Phạm Thị Thùy	08/3/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		74,5		74,5	
940	VC0744	Ngô Thùy Dung	24/5/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		71,0		71,0	

10

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
941	VC0797	Vũ Khánh Linh	24/8/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		65,0		65,0	
942	VC0800	Nguyễn Thị Thanh Loan	12/6/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		62,0		62,0	
943	VC0781	Phùng Hải Lan	06/10/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		47,0		47,0	
944	VC2062	Bùi Thị Anh Thư	05/8/1994	Nữ	ĐH	SP Ngữ văn, CCTT-TV	NV	Thư viện	THCS Linh Đàm		70,0		70,0	Trúng tuyển
945	VC2059	Lê Thị Hải	11/11/1991	Nữ	TC	Thư viện - thiết bị trường học	NV	Thư viện	THCS Linh Đàm		30,0		30,0	
946	VC0026	Đỗ Trung Hiếu	06/12/2001	Nam	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Lĩnh Nam		51,5		51,5	Trúng tuyển
947	VC0170	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/02/1989	Nữ	ĐH	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Mỹ thuật	THCS Lĩnh Nam		68,5		68,5	Trúng tuyển
948	VC0178	Đỗ Minh Anh	02/5/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Lĩnh Nam		70,5		70,5	Trúng tuyển
949	VC0219	Trần Thị Mỹ Linh	02/8/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Lĩnh Nam		81,5		81,5	Trúng tuyển
950	VC0203	Lưu Thị Vân Anh	09/10/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Lĩnh Nam		68,5		68,5	
951	VC0343	Nguyễn Mai Phương	13/02/1987	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Lĩnh Nam		86,0		86,0	Trúng tuyển
952	VC0338	Nguyễn Thị Hồng Oanh	19/6/1991	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Lĩnh Nam		79,5		79,5	
953	VC0337	Vương Hồng Nhung	08/01/1997	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Lĩnh Nam		59,5		59,5	
954	VC0435	Phan Thị Dung	28/6/1991	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Lĩnh Nam		86,0		86,0	Trúng tuyển
955	VC0525	Lục Quốc Khánh	27/10/1996	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Lĩnh Nam		50,5		50,5	
956	VC0464	Trương Thị Minh Hạnh	12/10/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Lĩnh Nam		36,0		36,0	
957	VC0722	Đào Nguyễn Việt Anh	02/9/1998	Nam	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		86,5		86,5	Trúng tuyển

12

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
958	VC0726	Lưu Quỳnh Anh	16/4/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Lĩnh Nam		72,0		72,0	
959	VC2060	Phạm Thị Hợp	10/01/1996	Nữ	ĐH	Kế toán + CCTV	NV	Thư viện	THCS Lĩnh Nam		75,0		75,0	Trúng tuyển
960	VC2057	Đinh Thị Dung	10/7/1979	Nữ	TC	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	Thư viện	THCS Lĩnh Nam		70,0		70,0	
961	VC0306	Nguyễn Khánh Linh	23/6/1998	Nữ	Ths	Ngôn ngữ học ứng dụng và giảng dạy Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Mai Động		87,0		87,0	Trúng tuyển
962	VC0293	Lê Thị Lan	26/10/2000	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Mai Động		78,8		78,8	
963	VC0332	Nguyễn Thị Nhân	25/8/1989	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Mai Động		76,3		76,3	
964	VC0261	Cao Minh Châu	05/11/1997	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Mai Động		57,5		57,5	
965	VC0275	Nguyễn Thị Thanh Hằng	22/11/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Mai Động		57,5		57,5	
966	VC0501	Nguyễn Duy Hùng	21/7/2002	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Mai Động		Bỏ thi		Bỏ thi	
967	VC0699	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/02/1993	Nữ	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Mai Động		86,5		86,5	Trúng tuyển
968	VC0708	Trần Thu Trang	22/01/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán	GV	Toán	THCS Mai Động		86,0		86,0	Trúng tuyển
969	VC0527	Nguyễn Thị Khuyên	30/12/1995	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Mai Động		71,0		71,0	
970	VC0460	Vũ Việt Hà	25/3/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học; Sư phạm Tiếng Anh	GV	Toán	THCS Mai Động		68,5		68,5	
971	VC0565	Vũ Đức Minh	27/10/2000	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán ứng dụng	GV	Toán	THCS Mai Động		63,5		63,5	
972	VC0469	Lê Thị Thúy Hằng	20/9/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Mai Động		50,5		50,5	
973	VC0600	Nguyễn Thị Nhật	30/3/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Mai Động		41,0		41,0	
974	VC0793	Nguyễn Thị Linh	09/5/1994	Nữ	ĐH	Văn học + CCSP	GV	Văn	THCS Mai Động		87,0		87,0	Trúng tuyển

ĐL

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
975	VC0859	Đào Thị Vui	19/12/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Mai Động		66,5		66,5	
976	VC0796	Trần Thảo Linh	16/10/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Mai Động		54,0		54,0	
977	VC0334	Nguyễn Hoàng Vân Nhi	22/02/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Định		87,5		87,5	Trúng tuyển
978	VC0310	Trần Ngọc Linh	02/10/1996	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Tiếng Anh; Ngôn ngữ Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Định		62,5		62,5	
979	VC0323	Phan Thị Thu Ngân	19/9/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Định		62,0		62,0	
980	VC0365	Lê Thị Thúy	01/10/1989	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Tiếng Anh; LLPP dạy học bộ môn Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Định		57,5		57,5	
981	VC0695	Nguyễn Quỳnh Trang	23/6/1999	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; LLPP dạy học bộ môn Toán	GV	Toán	THCS Tân Định		86,5		86,5	Trúng tuyển
982	VC0509	Nguyễn Thu Huyền	02/9/1989	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học, Ngôn ngữ Anh	GV	Toán	THCS Tân Định		72,5		72,5	
983	VC0569	Vũ Lê Hà My	01/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Tân Định		59,0		59,0	
984	VC0844	Nguyễn Minh Thúy	19/3/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Tân Định		87,5		87,5	Trúng tuyển
985	VC0842	Nguyễn Thị Thanh Thủy	26/12/1989	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Lý luận văn học	GV	Văn	THCS Tân Định		77,5		77,5	
986	VC0749	Nguyễn Thùy Dương	27/9/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Định		71,0		71,0	
987	VC0047	Đặng Phương Thơm	22/8/1994	Nữ	ĐH	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	THCS Tân Mai		78,0		78,0	Trúng tuyển
988	VC0104	Phạm Văn Tuấn	01/5/1994	Nam	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa hữu cơ	GV	Hóa	THCS Tân Mai		Bỏ thi		Bỏ thi	
989	VC0053	Đinh Hoàng Linh Chi	12/01/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa	GV	Hóa	THCS Tân Mai		86,0		86,0	Trúng tuyển
990	VC0091	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21/9/1997	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		73,0		73,0	
991	VC0068	Trần Diệu Huyền	22/8/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		69,0		69,0	
992	VC0051	Bùi Ngọc Anh	07/6/1990	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa học	GV	Hóa	THCS Tân Mai		63,3		63,3	
993	VC0224	Vũ Thị Nguyên	03/4/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Lịch sử; Ngôn ngữ Anh	GV	Sử	THCS Tân Mai		82,0		82,0	Trúng tuyển

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
994	VC0262	Uông Minh Châu	09/02/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Mai		87,0		87,0	Trúng tuyển
995	VC0314	Vũ Thị Thu Lý	24/7/1992	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Mai		74,5		74,5	
996	VC0361	Tổng Hoài Thu	26/01/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Mai		66,0		66,0	
997	VC0287	Phạm Thị Bích Huệ	24/4/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Tân Mai		59,5		59,5	
998	VC0543	Nguyễn Thị Thùy Linh	31/10/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Tân Mai		86,5		86,5	Trúng tuyển
999	VC0626	Vũ Minh Phương	12/10/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Tân Mai		80,0		80,0	
1000	VC0812	Phạm Bảo Ngân	22/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		85,5		85,5	Trúng tuyển
1001	VC0820	Nguyễn Hồng Nhung	29/9/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		85,5		85,5	Trúng tuyển
1002	VC0861	Phạm Thị Kim Yến	26/7/1991	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Văn học	GV	Văn	THCS Tân Mai		79,0		79,0	
1003	VC0741	Đặng Khánh Chi	10/10/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		77,5		77,5	
1004	VC0729	Nguyễn Hải Anh	29/7/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		77,0		77,0	
1005	VC0773	Nguyễn Thu Hương	01/7/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		75,0		75,0	
1006	VC0803	Trần Thị Hương Ly	16/02/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		73,0		73,0	
1007	VC0857	Nguyễn Ngọc Vân	22/9/1995	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; LLPP dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt	GV	Văn	THCS Tân Mai		72,5		72,5	
1008	VC0847	Hà Thị Thu Trang	10/02/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		68,5		68,5	
1009	VC0853	Hoàng Thanh Vân	05/6/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		51,0		51,0	
1010	VC0127	Trần Tuấn Anh	17/01/1998	Nam	ĐH	Sư phạm Vật lí	GV	Lí	THCS Thanh Trì		86,5		86,5	Trúng tuyển
1011	VC0151	Phan Thị Phượng	28/8/1989	Nữ	Ths	Vật lí + CCSP	GV	Lí	THCS Thanh Trì		79,0		79,0	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
1012	VC0353	Trần Thị Thu Thảo	28/02/1993	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Thanh Trì		61,0		61,0	Trúng tuyển
1013	VC0495	Trương Thị Thanh Hòa	15/7/1997	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; LLPP dạy học Toán	GV	Toán	THCS Thanh Trì		86,0		86,0	Trúng tuyển
1014	VC0658	Nguyễn Phương Thảo	09/11/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Thanh Trì		63,0		63,0	
1015	VC0771	Lê Lan Hương	25/10/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Thanh Trì		88,5		88,5	Trúng tuyển
1016	VC0787	Đỗ Thùy Linh	20/3/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Thanh Trì		61,0		61,0	
1017	VC0229	Triệu Thanh Phúc	14/10/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	THCS Thịnh Liệt		60,5		60,5	Trúng tuyển
1018	VC0546	Nguyễn Thị Thanh Loan	23/9/1993	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán học; Toán học	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		86,5		86,5	Trúng tuyển
1019	VC0523	Phạm Ngọc Quỳnh Hương	17/11/1997	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		71,0		71,0	
1020	VC0590	Trương Minh Ngọc	12/6/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		70,0		70,0	
1021	VC0558	Nguyễn Thị Thu Mai	25/12/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		59,5		59,5	
1022	VC0612	Vũ Thị Huyền Nhung	29/3/1995	Nữ	ĐH	Toán học + CCSP	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		52,5		52,5	
1023	VC0641	Nguyễn Anh Tú	02/01/1994	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Thịnh Liệt		50,5		50,5	
1024	VC0777	Phạm Ngọc Khuê	04/9/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Thịnh Liệt		87,0		87,0	Trúng tuyển
1025	VC0772	Nguyễn Lan Hương	14/11/1987	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Thịnh Liệt		67,0		67,0	
1026	VC0035	Lê Thị Huyền Trang	03/10/1997	Nữ	ĐH	Giáo dục công dân	GV	GDCD	THCS Vĩnh Hưng		72,5		72,5	Trúng tuyển
1027	VC0102	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	19/6/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		86,0		86,0	Trúng tuyển
1028	VC0100	Hoàng Như Quỳnh	05/12/1992	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; LLPP dạy học bộ môn Hóa học	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		75,5		75,5	

Handwritten signature

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
1029	VC0106	Lê Thị Thắm	12/12/1992	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Hóa học; Hóa phân tích	GV	Hóa	THCS Vĩnh Hưng		74,0		74,0	
1030	VC0299	Đỗ Thị Linh	08/3/1988	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Vĩnh Hưng		86,0		86,0	Trúng tuyển
1031	VC0305	Nguyễn Dịu	18/8/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Vĩnh Hưng		80,0		80,0	
1032	VC0266	Nguyễn Như Doanh	14/10/1978	Nam	ĐH	Tiếng Anh sư phạm	GV	Tiếng Anh	THCS Vĩnh Hưng	CBB	70,0	5,0	75,0	
1033	VC0363	Nguyễn Thị Thùy	16/8/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Vĩnh Hưng		62,0		62,0	
1034	VC0295	Đàm Diệu Linh	07/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Vĩnh Hưng		54,5		54,5	
1035	VC0632	Vương Thu Quỳnh	20/12/1988	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		86,5		86,5	Trúng tuyển
1036	VC0537	Lưu Thúy Linh	03/6/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		86,0		86,0	Trúng tuyển
1037	VC0429	Nguyễn Tiến Duật	29/11/1987	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		74,5		74,5	
1038	VC0604	Nguyễn Thị Nhuệ	16/02/1989	Nữ	ĐH, Ths	Sư phạm Toán; Toán giải tích	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		67,5		67,5	
1039	VC0704	Nguyễn Thu Trang	08/7/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		60,5		60,5	
1040	VC0434	Nguyễn Thanh Dung	22/5/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		60,0		60,0	
1041	VC0648	Nguyễn Kim Thanh	01/7/1994	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		58,0		58,0	
1042	VC0504	Bùi Thanh Huyền	15/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		55,0		55,0	
1043	VC0410	Nguyễn Ngọc Ánh	04/02/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		53,5		53,5	
1044	VC0508	Nguyễn Thị Khánh Huyền	10/9/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		53,0		53,0	
1045	VC0494	Nguyễn Thị Minh Hòa	30/7/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Vĩnh Hưng		49,0		49,0	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
1046	VC0845	Nguyễn Thị Thanh Thúy	15/7/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		Bỏ thi		Bỏ thi	
1047	VC0790	Lương Hương Linh	26/4/1997	Nữ	Ths	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		87,5		87,5	Trúng tuyển
1048	VC0765	Cao Thanh Huyền	05/12/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		85,5		85,5	Trúng tuyển
1049	VC0731	Nguyễn Thị Tuyết Anh	20/01/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		72,0		72,0	
1050	VC0768	Nguyễn Thanh Huyền	22/4/1998	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		72,0		72,0	
1051	VC1907	Nguyễn Thị Nam	13/01/1983	Nữ	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	NV	Kế toán	THCS Vĩnh Hưng		80,0		80,0	Trúng tuyển
1052	VC1913	Nguyễn Quỳnh Trang	21/4/2001	Nữ	ĐH	Kế toán, Kiểm soát, kiểm toán	NV	Kế toán	THCS Vĩnh Hưng		60,3		60,3	
1053	VC1905	Vũ Hồng Chi	10/11/1985	Nữ	ĐH	Kế toán	NV	Kế toán	THCS Vĩnh Hưng		57,3		57,3	
1054	VC1911	Đỗ Thị Hương Quỳnh	05/9/1996	Nữ	ĐH	Tài chính ngân hàng	NV	Kế toán	THCS Vĩnh Hưng		33,0		33,0	
1055	VC0187	Trần Thùy Hương	29/6/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	GV	Sinh	THCS Yên Sở		83,3		83,3	Trúng tuyển
1056	VC0193	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	29/7/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Yên sở		76,8		76,8	
1057	VC0186	Tạ Thị Hương	22/7/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học (dạy Sinh học bằng Tiếng Anh)	GV	Sinh	THCS Yên Sở		72,0		72,0	
1058	VC0190	Trần Thị Hữu Nghĩa	26/12/2000	Nữ	ĐH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	THCS Yên Sở		62,5		62,5	
1059	VC0354	Trương Thị Hồng Thắm	10/02/1987	Nữ	ĐH	Tiếng Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở	CBB	87,0	5,0	92,0	Trúng tuyển
1060	VC0302	Lê Thùy Linh	16/12/1990	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh, CDSP Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		87,5		87,5	Trúng tuyển
1061	VC0256	Trần Thị Hoài Anh	01/10/1990	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		72,0		72,0	
1062	VC0252	Nguyễn Thị Mai Anh	14/7/1999	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		69,0		69,0	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên	Kết quả tuyển dụng
1063	VC0326	Nguyễn Minh Ngọc	26/9/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở	CTB	63,0	5,0	68,0	
1064	VC0318	Vũ Nguyễn Sao Mai	28/11/2001	Nữ	ĐH	Ngôn ngữ Anh + CCSP	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		64,5		64,5	
1065	VC0263	Nguyễn Thị Phương Chi	15/12/1996	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		60,5		60,5	
1066	VC0362	Đoàn Thị Phương Thùy	23/7/1987	Nữ	ĐH, Ths	Tiếng Anh sư phạm; Ngôn ngữ Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		60,0		60,0	
1067	VC0345	Nguyễn Thị Tân Quyên	11/01/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		58,5		58,5	
1068	VC0296	Đào Nhật Linh	20/12/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Tiếng Anh	THCS Yên Sở		56,5		56,5	
1069	VC0567	Nguyễn Thị Nga My	23/4/2001	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Yên Sở		86,5		86,5	Trúng tuyển
1070	VC0642	Đặng Hoàng Tuấn	16/12/1996	Nam	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Yên Sở		80,0		80,0	
1071	VC0637	Đàm Mạnh Tiến	08/5/1995	Nam	Ths	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Yên Sở		72,0		72,0	
1072	VC0716	Nguyễn Quỳnh Xuân	23/9/1992	Nữ	ĐH	Toán học + CCSP	GV	Toán	THCS Yên Sở		69,0		69,0	
1073	VC0459	Trịnh Hải Hà	17/11/2002	Nữ	ĐH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	THCS Yên Sở		58,0		58,0	
1074	VC0544	Phạm Thùy Linh	12/9/1993	Nữ	ĐH	Toán - Tin ứng dụng + CCSP	GV	Toán	THCS Yên Sở		43,0		43,0	
1075	VC0805	Nguyễn Quỳnh Mai	03/6/1999	Nữ	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Yên Sở		86,5		86,5	Trúng tuyển
1076	VC0752	Nguyễn Thị Thu Hà	17/8/1980	Nữ	CD, ĐH	CDSP Văn - Giáo dục công dân; Văn học	GV	Văn	THCS Yên Sở		79,5		79,5	

Tổng danh sách 1076 thí sinh (các trường hợp không trúng tuyển: Cột kết quả tuyển dụng để trống).

10